

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ
CÔNG TY ĐẠI CHỨNG



NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN (VIETBANK)

*Giấy CNĐKKD số 2200269805 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 12/01/2007,
đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 26 tháng 03 năm 2019*

Địa chỉ : 47 Trần Hưng Đạo, Phường 3, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.
Điện thoại : 0299 388 6666 Fax: 0299 361 5666
Website : www.vietbank.com.vn
Email : callcenter@vietbank.com.vn

Phụ trách công bố thông tin

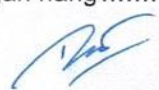
Họ và tên: Ông Nguyễn Thanh Nhung – Chức vụ: Tổng giám đốc

Điện thoại: 0903674613



MỤC LỤC

I. CÁC TỪ NGỮ VIẾT TẮT	5
II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG.....	6
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	6
1.1 Giới thiệu chung về Công ty đại chúng	6
1.2 Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch	9
1.3 Quá trình hình thành và phát triển.....	10
1.4 Quá trình tăng vốn điều lệ.....	12
2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Ngân hàng.....	15
2.1 Đại hội đồng cổ đông	16
2.2 Hội đồng quản trị	16
2.3 Ban Kiểm soát.....	16
2.4 Ban điều hành	17
2.5 Các Ủy ban, Hội đồng, Văn phòng trực thuộc Hội đồng quản trị	17
2.6 Các phòng ban chức năng	19
3. Danh sách Cổ đông Ngân hàng	30
3.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Ngân hàng	30
3.2 Cổ đông sáng lập	30
3.3 Cơ cấu cổ đông tại ngày 30/06/2019	31
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Ngân hàng.....	31
4.1 Công ty mẹ và những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Ngân hàng:..	31
4.2 Công ty con và những công ty mà Ngân hàng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc chi phối.....	31
5. Hoạt động kinh doanh.....	32
5.1 Sản phẩm dịch vụ qua các năm.....	32
5.2 Thu nhập hoạt động kinh doanh	39
5.3 Chi phí hoạt động kinh doanh:.....	42
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất.....	44
6.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Ngân hàng	44
6.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong năm báo cáo.....	45
7. Vị thế của Ngân hàng so với các Ngân hàng/TCTD khác trong cùng ngành.....	46
7.1 Vị thế của Vietbank trong ngành ngân hàng.....	46



7.2	Triển vọng phát triển của ngành	47
8.	Chính sách đối với người lao động	47
8.1	Số lượng người lao động trong Ngân hàng	47
8.2	Chính sách đối với người lao động	47
9.	Chính sách cổ tức	48
10.	Tình hình tài chính của Ngân hàng	48
10.1	Trích khấu hao tài sản cố định	48
10.2	Thanh toán các khoản nợ đến hạn	48
10.3	Các khoản phải nộp theo luật định	48
10.4	Trích lập các quỹ theo luật định	49
10.5	Các khoản đầu tư tài chính	50
10.6	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	51
11.	Tài sản (tài sản thuộc sở hữu Ngân hàng)	52
11.1	Tài sản cố định tại ngày 31/12/2018 theo số liệu hợp nhất	52
11.2	Bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2018 theo số liệu hợp nhất	53
12.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo	53
12.1	Kế hoạch kinh doanh 2019	53
12.2	Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2019	53
13.	Chiến lược, định hướng phát triển kinh doanh	54
13.1	Định hướng phát triển hoạt động kinh doanh cho năm 2019 và các năm tiếp theo	54
13.2	Phương hướng kinh doanh cụ thể	55
14.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng	56
14.1	Thông tin về cam kết, bảo lãnh:	56
14.2	Thông tin về trái phiếu chuyển đổi, cam kết bảo lãnh, cam kết cho vay, cam kết vay	57
15.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Ngân hàng:	57
III.	QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG	57
1.	Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội đồng quản trị	57
1.1	Danh sách thành viên Hội đồng quản trị	57
1.2	Sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị	57
2.	Cơ cấu, thành phần Ban kiểm soát:	66
2.1	Danh sách thành viên Ban kiểm soát	66
2.2	Sơ yếu lý lịch các thành viên Ban kiểm soát	66



THÔNG TIN TÓM TẮT
NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN



3. Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý.....	70
3.1 Danh sách thành viên.....	70
3.2 Sơ yếu lý lịch.....	70
4. Kế hoạch tăng cường quản trị Ngân hàng.....	83
IV. ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	84
V. PHỤ LỤC.....	84

A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'Phan', located below the table of contents.

I. CÁC TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản thông tin tóm tắt này có nội dung như sau:

NHNN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
BCTC	Báo cáo tài chính
BKS	Ban kiểm soát
CBNV	Cán bộ nhân viên
Vietbank	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
NHTMCP	Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần
CP	Cổ phiếu
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐKD	Hoạt động kinh doanh
EPS	Earning Per Share – Là lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu $EPS = (\text{Lợi nhuận ròng} - \text{cổ tức cổ phiếu ưu đãi}) / \text{lượng cổ phiếu bình quân đang lưu thông}$.
GCN	Giấy chứng nhận
GD/TGD	Giám đốc/Tổng giám đốc
GTSS	Giá trị sổ sách
HĐQT	Hội đồng quản trị
KTT	Kế toán trưởng
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
Thuế TNDN	Thuế thu nhập doanh nghiệp
Thuế TNCN	Thuế thu nhập cá nhân
TSCĐ	Tài sản cố định
ROA	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân
ROE	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế /vốn chủ sở hữu bình quân
Vốn CSH	Vốn chủ sở hữu
VĐL	Vốn điều lệ
VND	Đồng Việt Nam
TTQT	Thanh toán quốc tế
TT1	Thị trường 1



II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu chung về Công ty đại chúng

- Tên ngân hàng	:	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN
- Tên Tiếng Anh	:	VIET NAM THUONG TIN COMMERCIAL JOINT STOCK BANK
- Tên viết tắt	:	Vietbank
- Địa chỉ trụ sở chính	:	Số 47 Trần Hưng Đạo, Phường 3, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam
- Điện thoại	:	(0299) 3886666 Fax: (0299) 36156666
- Website	:	www.vietbank.com.vn
- Giấy phép thành lập	:	Quyết định số 2391/QĐ-NHNN ngày 14/12/2006 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- Giấy phép hoạt động	:	Số 2399/QĐ-NHNN ngày 15/12/2006 do NHNN cấp; được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 2441/QĐ-NHNN ngày 28/10/2008; số 996/NHNN-CNH ngày 16/2/2009; số 2249/NHNN-CHN ngày 02/4/2009, Quyết định số 2499/QĐ-NHNN ngày 18/11/2011; Quyết định số 2699/QĐ-NHNN ngày 22/12/2011; Quyết định số 55/GP-NHNN ngày 01/9/2017; Quyết định số 2126/QĐ-NHNN ngày 10/10/2017; Quyết định số 2283/QĐ-NHNN ngày 30/10/2017; Quyết định số 869/QĐ-NHNN ngày 27/04/2018 do NHNN cấp
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	:	Số 2200269805 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 12/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 26/03/2019
- Người đại diện theo pháp luật	:	Ông Nguyễn Thanh Nhung - Chức vụ: Tổng giám đốc
- Vốn điều lệ đăng ký	:	4.190.199.040.000 đồng (Bốn nghìn một trăm chín mươi tỷ một trăm chín mươi chín triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).
- Vốn điều lệ thực góp	:	4.190.199.040.000 đồng (Bốn nghìn một trăm chín mươi tỷ một trăm chín mươi chín triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).
- Ngày trở thành công ty đại chúng	:	23/08/2016 <i>(Ngày 16/01/2017, Vietbank đã gửi hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng cho UBCKNN và được UBCKNN xác nhận theo công văn số 2128/UBCK-GSDC ngày 17/4/2017. Với việc chậm đăng ký Công ty đại chúng, Vietbank đã bị UBCKNN xử phạt vi</i>

phạm hành chính theo Quyết định số 03/QĐ-XPVPHC ngày 04/01/2018.
Vietbank đã chấp hành đúng Quyết định xử phạt của UBCKNN)

- Ngành, nghề hoạt động kinh doanh:

Theo (các) Giấy phép hoạt động số 2399/QĐ-NHNN ngày 15/12/2006, số 996/NHNN-CNH ngày 16/2/2009, số 2441/QĐ-NHNN ngày 28/10/2008, số 2249/NHNN-CHN ngày 02/4/2009, số 2699/QĐ-NHNN ngày 22/12/2011, số 55/GP-NHNN ngày 01/9/2017, số 2126/QĐ-NHNN ngày 10/10/2017 và số 2283/QĐ-NHNN ngày 30/10/2017 do NHNN cấp, ngành nghề kinh doanh của Ngân hàng bao gồm:

STT	Tên nội dung/nghiệp vụ hoạt động
1	Hoạt động huy động vốn
	Nhận tiền gửi của các tổ chức, cá nhân và các tổ chức tín dụng khác dưới các hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn và các loại tiền gửi khác.
	Phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác để huy động vốn của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.
	Vay vốn của các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại Việt Nam và của tổ chức tín dụng nước ngoài.
	Vay vốn ngắn hạn của Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật Việt Nam.
	Các hình thức huy động vốn khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
2	Hoạt động tín dụng
Cấp tín dụng cho tổ chức, cá nhân dưới các hình thức cho vay, chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá khác, bảo lãnh, cho thuê tài chính và các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.	
3	Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ
	Cung ứng các phương tiện thanh toán.
	Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước cho khách hàng.
	Thực hiện các dịch vụ thu hộ, chi hộ.
	Thực hiện các dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
	Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế theo quy định của pháp luật.
	Thực hiện dịch vụ thu và chi tiền mặt cho khách hàng.
	Tổ chức hệ thống thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng trong nước. Việc tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.



STT	Tên nội dung/nghiệp vụ hoạt động
4	Các hoạt động khác:
	Góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.
	Tham gia thị trường tiền tệ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
	Trực tiếp kinh doanh hoặc thành lập công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có để kinh doanh ngoại hối và vàng trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.
	Ủy thác, nhận ủy thác, làm đại lý trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kể cả việc quản lý tài sản, vốn đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo hợp đồng ủy thác, đại lý.
	Cung ứng dịch vụ bảo hiểm, thành lập công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có hoặc liên doanh để kinh doanh bảo hiểm theo quy định của pháp luật.
	Tư vấn tài chính, tiền tệ cho khách hàng dưới hình thức trực tiếp tư vấn cho khách hàng hoặc thành lập công ty trực thuộc theo quy định của pháp luật.
	Bảo quản hiện vật quý, giấy tờ có giá, cho thuê tủ két, cầm đồ và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.
	Trực tiếp kinh doanh hoặc thành lập công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có để thực hiện các hoạt động kinh doanh khác có liên quan đến hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật.
5	Kinh doanh trái phiếu và các giấy tờ có giá khác:
	Mua, bán trái phiếu và giấy tờ có giá khác.
	Tham gia gia dịch trái phiếu và các giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ.
	Các hoạt động kinh doanh trái phiếu, giấy tờ có giá khác phù hợp quy định pháp luật.
6	Hoạt động kinh doanh, mua bán vàng miếng tại Chi nhánh Sóc Trăng, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Chi nhánh Quảng Ngãi, Chi nhánh Đà Nẵng, Chi nhánh Hà Nội.
7	Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong các lĩnh vực có liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.
	Dịch vụ môi giới tiền tệ.
	Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua bán, hợp nhất sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
	Cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.



STT	Tên nội dung/nghiệp vụ hoạt động
8	Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định.
9	Cung ứng dịch vụ ngoại hối:
	Cung ứng dịch vụ thanh toán quốc tế.
	Thực hiện các giao dịch mua, bán ngoại hối trên thị trường nước ngoài.

1.2 Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

Loại chứng khoán	:	Cổ phần phổ thông
Mã chứng khoán	:	VBB
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phần
Tổng số cổ phần đăng ký giao dịch	:	419.019.904 cổ phần
Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức ĐKGD	:	<p>54.425.400 cổ phần. Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 44.678.400 cổ phiếu của TV.HĐQT, TGD bị hạn chế chuyển nhượng trong thời gian đảm nhiệm chức vụ tại Vietbank theo quy định tại Điều 56 Luật Các TCTD. - 9.747.000 cổ phiếu ESOP bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ ngày hoàn tất việc phát hành (Căn cứ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/4/2018 của Vietbank), cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + 1.179.200 cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng từ ngày 27/12/2018 đến 27/12/2021; + 8.567.800 cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng từ ngày 21/03/2019 đến 20/03/2022.
Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài	:	Căn cứ Khoản 5 Điều 7 Nghị định 01/2014/NĐ-CP ngày 03/01/2014 của Chính phủ về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của TCTD Việt Nam; Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán; Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/8/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, giới hạn tỷ lệ sở hữu cổ phần của các nhà

	đầu tư nước ngoài tại Vietbank là 30% vốn điều lệ. Tính đến ngày 30/6/2019, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Vietbank là 0% vốn điều lệ (tương ứng 0 cổ phần).
--	---

1.3 Quá trình hình thành và phát triển

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín được thành lập theo Quyết định số 2391/QĐ-NHNN ngày 14/12/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Theo đó, NHNN cho phép khôi phục lại hoạt động của Ngân hàng TMCP Nông thôn Phú Tâm với tên gọi mới là Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín, trụ sở chính và địa bàn hoạt động tại tỉnh Sóc Trăng.

- Theo Quyết định số 2391/QĐ-NHNN ngày 14/12/2006, Quyết định số 2399/QĐ-NHNN ngày 15/12/2006, Vietbank được thực hiện một số nghiệp vụ huy động vốn, cấp tín dụng và cung ứng dịch vụ thanh toán.
- Ngày 02/02/2007, Vietbank chính thức được thành lập trụ sở tại số 35 Trần Hưng Đạo, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, đồng thời khai trương hoạt động chi nhánh Sóc Trăng – chi nhánh đầu tiên của Vietbank.
- Ngày 28/10/2008, Thống đốc NHNN đã có Quyết định số 2441/QĐ-NHNN chấp thuận đề nghị mở rộng nghiệp vụ và địa bàn hoạt động của Vietbank, theo đó Vietbank được mở rộng các nghiệp vụ như bảo lãnh, cho thuê tài chính, dịch vụ ngân quỹ, góp vốn, mua cổ phần....
- Sau hơn 12 năm kể từ khi thành lập và đi vào hoạt động, Vietbank đã có những bước phát triển hiệu quả và bền vững với tổng tài sản năm 2018 gấp hơn 57 lần năm 2007 và qui mô hoạt động gồm 112 điểm giao dịch rộng khắp các vùng kinh tế trọng điểm của cả nước. Trong đó:
 - + Ngày 18/02/2009: khai trương chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh– chi nhánh đầu tiên của Vietbank tại thị trường Tp. Hồ Chí Minh.
 - + Ngày 26/02/2009: khai trương chi nhánh Hà Nội - chi nhánh đầu tiên của Vietbank tại khu vực miền Bắc.
 - + Ngày 12/03/2009: khai trương chi nhánh Cần Thơ - chi nhánh thứ hai của Vietbank tại khu vực miền Tây.
 - + Ngày 07/04/2009; khai trương chi nhánh Hải Phòng - chi nhánh thứ hai của Vietbank tại khu vực miền Bắc.
 - + Ngày 15/04/2009: khai trương chi nhánh Đà Nẵng - chi nhánh đầu tiên của Vietbank tại khu vực miền Trung.
 - + Ngày 04/06/2010: khai trương chi nhánh Khánh Hòa – chi nhánh thứ hai của Vietbank tại khu vực miền Trung.
 - + Ngày 08/06/2010: khai trương chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu - chi nhánh đầu tiên của Vietbank tại khu vực Đông Nam Bộ.



- + Ngày 29/09/2010: khai trương chi nhánh Long An – chi nhánh thứ ba của Vietbank tại khu vực miền Tây.
- + Ngày 08/11/2010: khai trương chi nhánh Nghệ An - chi nhánh thứ ba của Vietbank tại khu vực miền Trung và là chi nhánh thứ 10 của Vietbank trên toàn quốc.
- + Ngày 03/02/2015: khai trương chi nhánh Quảng Ngãi, chi nhánh thứ tư của Vietbank tại khu vực miền Trung và là chi nhánh thứ 11 của Vietbank trên toàn quốc.
- + Ngày 24/11/2016: khai trương chi nhánh Chợ Lớn (trên cơ sở nâng cấp PGD Hậu Giang) – chi nhánh thứ hai của Vietbank tại thị trường Tp. Hồ Chí Minh và là chi nhánh thứ 12 của Vietbank trên toàn quốc.
- + Ngày 01/12/2016: khai trương chi nhánh Sài Gòn (trên cơ sở nâng cấp PGD Vạn Hạnh) – chi nhánh thứ ba của Vietbank tại thị trường Tp. Hồ Chí Minh và là chi nhánh thứ 13 của Vietbank trên toàn quốc.
- + Ngày 08/01/2018: khai trương chi nhánh Bắc Sài Gòn (trên cơ sở nâng cấp PGD Phú Nhuận) – chi nhánh thứ tư của Vietbank tại thị trường Tp. Hồ Chí Minh và là chi nhánh thứ 14 của Vietbank trên toàn quốc.
- + Ngày 09/01/2018: khai trương chi nhánh An Sương (trên cơ sở nâng cấp PGD An Sương) – chi nhánh thứ năm của Vietbank tại thị trường Tp. Hồ Chí Minh và là chi nhánh thứ 15 của Vietbank trên toàn quốc.
- + Từ 15/01/2018 – 17/01/2018: khai trương hoạt động 06 Phòng giao dịch trực thuộc Chi nhánh TPHCM (trên cơ sở chuyển đổi Quỹ tiết kiệm), bao gồm: PGD Nguyễn Thị Định, PGD Trần Nãi, PGD Nguyễn Tất Thành, PGD Huỳnh Tấn Phát, PGD Võ Văn Ngân, PGD Hàng Xanh.
- + Từ ngày 15 -16/02/2018: khai trương hoạt động 05 Phòng giao dịch trực thuộc Chi nhánh An Sương và Bắc Sài Gòn (trên cơ sở chuyển đổi Quỹ tiết kiệm), bao gồm: PGD Thanh Đa, PGD Đinh Tiên Hoàng, PGD Phan Đình Phùng, PGD Lê Văn Khương, PGD Nguyễn Ảnh Thủ.
- + Ngày 08/10/2018: khai trương chi nhánh Tây Sài Gòn (trên cơ sở đổi tên từ chi nhánh An Sương).
- + Ngày 04/06/2019: khai trương Chi nhánh Đắk Lắk, chi nhánh thứ 16 của Vietbank trên toàn quốc.
- + Ngày 07/06/2019: khai trương hoạt động Phòng giao dịch Bình Thủy trực thuộc Chi nhánh Cần Thơ.
- + Ngày 14/06/2019: khai trương hoạt động Phòng giao dịch Mỹ Tú và Phòng giao dịch Kế Sách trực thuộc Chi nhánh Sóc Trăng.
- + Ngày 19/06/2019: khai trương hoạt động Phòng giao dịch Châu Đức và Phòng giao dịch Bà Rịa trực thuộc Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu.



THÔNG TIN TÓM TẮT
 NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN



- + Ngày 21/06/2019: khai trương hoạt động Phòng giao dịch Ninh Hòa và Phòng giao dịch Vạn Ninh trực thuộc Chi nhánh Khánh Hòa.
- + Ngày 24/06/2019: khai trương hoạt động Phòng giao dịch Bình Sơn, Phòng giao dịch Tư Nghĩa và Phòng giao dịch Mộ Đức trực thuộc Chi nhánh Quảng Ngãi.
- + Ngày 25/06/2019: khai trương hoạt động Phòng giao dịch Bến Lức, Phòng giao dịch Đức Hòa và Phòng giao dịch Cần Giuộc trực thuộc Chi nhánh Long An.
- + Ngày 26/06/2019: khai trương Chi nhánh Đồng Nai, chi nhánh thứ 17 của Vietbank trên toàn quốc.
- + Ngày 27/06/2019: khai trương Chi nhánh Bình Dương, chi nhánh thứ 18 của Vietbank trên toàn quốc.
- + Ngày 29/06/2019: khai trương Chi nhánh Vĩnh Phúc, chi nhánh thứ 19 của Vietbank trên toàn quốc.

Như vậy, tính đến 30/06/2019, Vietbank đang hoạt động với 01 trụ sở chính, 19 Chi nhánh, 93 Phòng Giao dịch, tại 15 tỉnh/ thành phố, bao gồm các địa bàn: Sóc Trăng, Hà Nội, Hải Phòng, Nghệ An, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Tp. Hồ Chí Minh, Bà Rịa – Vũng Tàu, Long An, Cần Thơ, Đắk Lắk, Bình Dương, Đồng Nai và Vĩnh Phúc.

1.4 Quá trình tăng vốn điều lệ

Kể từ thời điểm chính thức hoạt động ngày 15/12/2006 với số vốn điều lệ ban đầu là 200 tỷ đồng, được sự chấp thuận của NHNN, Vietbank đã thực hiện phát hành tăng vốn điều lệ 05 lần từ 200.000.000.000 đồng lên 4.190.199.040.000 đồng. Cụ thể:

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	VĐL tăng thêm (tỷ đồng)	VĐL sau đợt phát hành (tỷ đồng)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
1	20/3/2007	300	500	Phát hành cho cổ đông hiện hữu: - SLCP phát hành: 300.000 CP. - Mệnh giá: 1.000.000 đồng/CP - Giá phát hành: 1.000.000 đồng/CP.	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ.07 ngày 04/01/2007; Văn bản chấp thuận số 46/NHNN-STR2 ngày 20/3/2007 của NHNN Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2200269805 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 24/4/2007.

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	VĐL tăng thêm (tỷ đồng)	VĐL sau đợt phát hành (tỷ đồng)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
2	29/12/2008	500	1.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu và một số nhà đầu tư không phải là cổ đông: - SLCP phát hành: 500.000 CP. - Mệnh giá: 1.000.000 đồng/CP - Giá phát hành: 1.000.000 đồng/CP.	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 667a/QĐ-PC.08 ngày 24/11/2008; Văn bản chấp thuận số 317/NHNN-STR2 ngày 29/12/2008 của NHNN Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2200269805 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 30/12/2008.
3	24/12/2010	2.000	3.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu và một số nhà đầu tư không phải là cổ đông: - SLCP phát hành: 2.000.000 CP. - Mệnh giá: 1.000.000 đồng/CP - Giá phát hành: 1.000.000 đồng/CP.	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 123/NQ-ĐHĐCĐ.10 ngày 09/4/2010; Văn bản chấp thuận số 7135/NHNN-TTGSNH ngày 21/9/2010 của NHNN; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200269805 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 30/12/2010.
4	31/12/2016	249	3.249	Phát hành cho cổ đông hiện hữu: - SLCP phát hành: 249.000 CP. - Mệnh giá: 1.000.000 đồng/CP - Giá phát hành: 1.000.000 đồng/CP.	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/NQ-ĐHĐCĐ.16 ngày 26/12/2016; Văn bản chấp thuận số 9938/NHNN-TTGSNH ngày 28/12/2016 của NHNN; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200269805 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp thay đổi lần thứ 19 ngày 10/01/2017.
5	20/03/2019	941.2	4.190.2	Phát hành cho cổ đông	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2018/NQ-

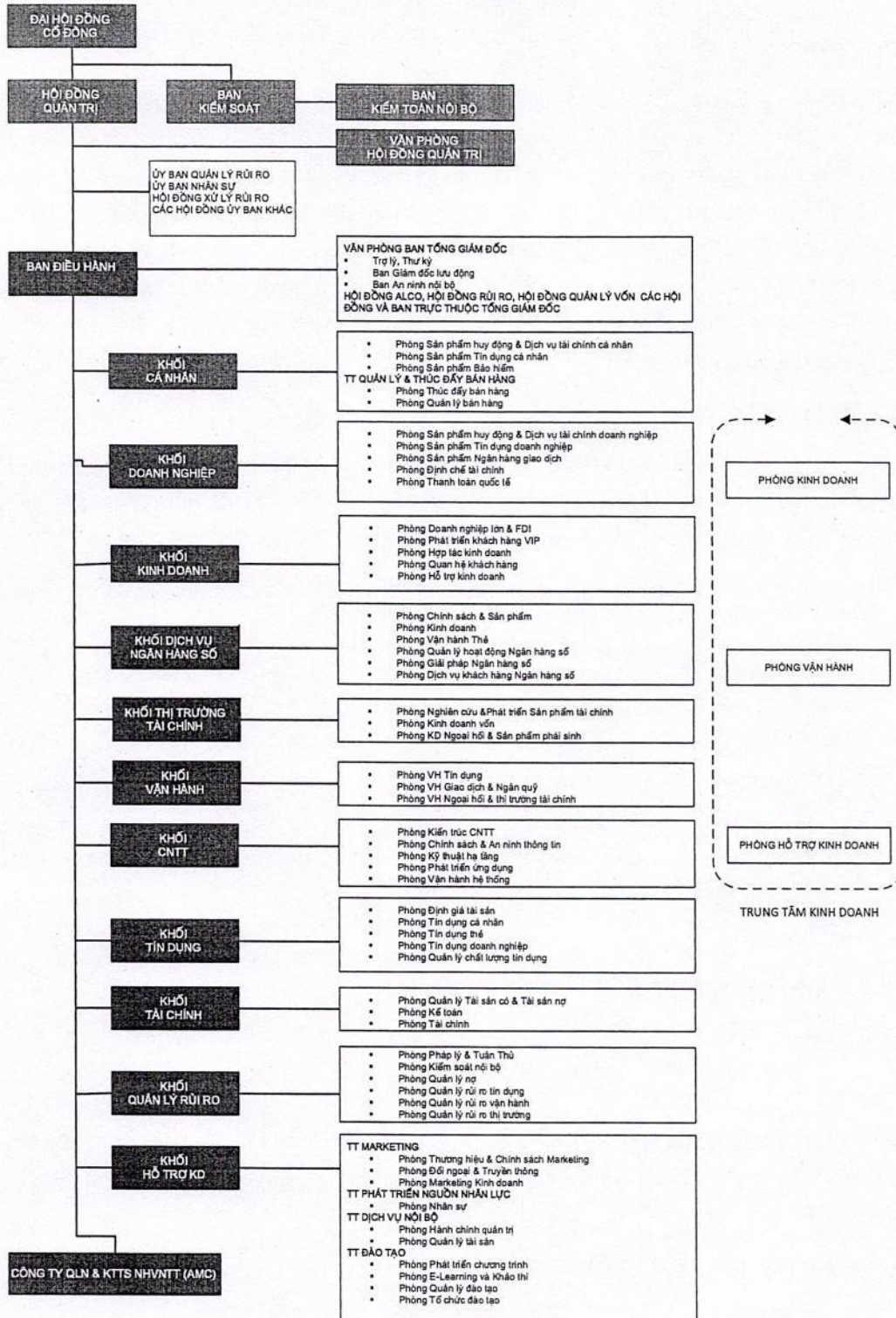


Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	VĐL tăng thêm (tỷ đồng)	VĐL sau đợt phát hành (tỷ đồng)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
				hiện hữu và cán bộ nhân viên Vietbank theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP): - SLCP phát hành: 94.119.904 CP. - Mệnh giá: 10.000 đồng/CP - Giá phát hành: 10.000 đồng/CP.	ĐHĐCĐ ngày 14/4/2018. Công văn số 6487/NHNN-TTGSNH ngày 28/8/2018 của NHNN v/v tăng vốn điều lệ Vietbank. Giấy chứng nhận số 61/GCN-UBCK ngày 25/10/2018 của UBCKNN v/v đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng. Công văn số 8460/UBCK – QLCB ngày 26/12/2018 của UBCKNN v/v báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng. Công văn số 1406/NHNN-TTGSNH ngày 07/3/2019 của NHNN v/v phương án xử lý cổ phiếu không chào bán hết cho người lao động trong đợt phát hành tăng vốn điều lệ của Vietbank. Công văn số 1760/UBCK – QLCB ngày 20/03/2019 của UBCKNN v/v xử lý cổ phiếu phân phối hết trong đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200269805 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp thay đổi lần thứ 22 ngày 26/03/2019.



2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Ngân hàng

Sơ đồ tổ chức:



2.1 Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Ngân hàng có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn: thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng; sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng; Phê chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của Ngân hàng; Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của Ngân hàng; Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2.2 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng, quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Ngân hàng, trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hiện nay, Hội đồng quản trị của Vietbank gồm 06 (sáu) thành viên giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

Danh sách Thành viên Hội đồng quản trị Vietbank:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Dương Ngọc Hòa	Chủ tịch
2	Ông Bùi Xuân Khu	Phó Chủ tịch
3	Ông Dương Nhất Nguyên	Phó Chủ tịch
4	Ông Trần Văn Tá	Thành viên
5	Bà Ngô Kim Liên	Thành viên
6	Ông Đặng Đình Thắng	Thành viên

2.3 Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

Danh sách thành viên Ban kiểm soát Vietbank:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Lê Thị Xuân Lan	Trưởng ban
2	Bà Nguyễn Đỗ Xuân Dung	Thành viên
3	Bà Nguyễn Thu Phương	Thành viên



2.4 Ban điều hành

Ban Điều hành là cơ quan điều hành hoạt động Ngân hàng. Đứng đầu Ban Điều hành của Ngân hàng là Tổng Giám đốc, sau đó là các Phó Tổng Giám đốc được phân công, phân quyền trong quản lý điều hành các Trung tâm Kinh doanh và các Khối nghiệp vụ tại Hội sở của Ngân hàng.

Tổng giám đốc là người điều hành cao nhất của Ngân hàng, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng.

Kế toán trưởng của Ngân hàng thực hiện quản lý về mặt tài chính – kế toán trong toàn hệ thống của Vietbank.

Hiện nay, Vietbank có 08 (tám) thành viên trong Ban Điều hành và 01 (một) Giám đốc Khối Tài chính kiêm nhiệm Kế toán trưởng, đều là những chuyên gia với kiến thức và kinh nghiệm chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, pháp lý, kinh doanh.

Danh sách thành viên Ban Điều hành và Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Thanh Nhung	Tổng Giám đốc
2	Ông Nguyễn Trọng Phúc	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Nguyễn Trung Thành	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Lê Huy Dũng	Phó Tổng Giám đốc
5	Ông Hồ Phan Hải Triều	Phó Tổng Giám đốc
6	Bà Ngô Trần Đoan Trinh	Phó Tổng Giám đốc
7	Ông Phạm Danh	Phó Tổng Giám đốc
8	Ông Nguyễn Bình Phương	Phó Tổng Giám đốc
9	Ông Đỗ Thành Lập	Kế toán Trưởng

2.5 Các Ủy ban, Hội đồng, Văn phòng trực thuộc Hội đồng quản trị

a. Hội đồng xử lý rủi ro:

- (i) Phê duyệt báo cáo tổng hợp toàn hệ thống về kết quả thu hồi nợ đối với các khoản nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, bao gồm kết quả xử lý tài sản đảm bảo và xác định rõ cơ sở của việc phê duyệt.
- (ii) Phê duyệt kết quả phân loại nợ, cam kết ngoại bảng, trích lập dự phòng, sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của Vietbank.
- (iii) Phê duyệt việc sử dụng dự phòng chung để xử lý rủi ro tín dụng của các khoản vay trong trường hợp dự phòng cụ thể và số tiền thu được từ phát mại tài sản không đủ để bù đắp rủi ro của khoản nợ.



- (iv) Phê duyệt các biện pháp thu hồi nợ đối với các khoản nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý trong toàn hệ thống.

b. Ủy ban Quản lý rủi ro

- (i) Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền liên quan quản trị rủi ro trong hoạt động ngân hàng.
- (ii) Phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của ngân hàng trước những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.
- (iii) Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, chính sách quản trị rủi ro hiện hành của ngân hàng để đưa ra những khuyến nghị, đề xuất đối với HĐQT về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động.
- (iv) Tham mưu cho HĐQT trong việc quyết định phê duyệt các khoản đầu tư, các giao dịch có liên quan, chính sách quản trị và phương án xử lý rủi ro trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ do HĐQT giao.


c. Ủy ban Nhân sự

- (i) Tham mưu cho HĐQT về quy mô và cơ cấu HĐQT, người điều hành phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của Ngân hàng.
- (ii) Tham mưu cho HĐQT xử lý các vấn đề về nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát và Người điều hành Ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ ngân hàng.
- (iii) Nghiên cứu, tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy định nội bộ của ngân hàng thuộc thẩm quyền của HĐQT về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, quy chế tuyển chọn nhân sự, đào tạo và chính sách đãi ngộ khác đối với Người điều hành, các cán bộ, nhân viên của Ngân hàng.

d. Văn phòng Hội đồng quản trị

Văn phòng Hội đồng quản trị là cơ quan trực thuộc HĐQT có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT/TT.HĐQT, các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc Hội đồng quản trị trong việc thực hiện chức năng quản trị Vietbank và các Công ty con bao gồm:

- (i) Đầu mối tiếp nhận và xử lý thông tin giữa HĐQT với Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, Công ty con, cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước và các đối tác bên ngoài Vietbank.
- (ii) Theo dõi việc thực hiện các chủ trương, chính sách, các dự án chiến lược của HĐQT.
- (iii) Tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong hoạt động đầu tư, công tác quản lý cổ đông, cổ phần, cổ phiếu và các hoạt động nghiệp vụ khác.
- (iv) Công tác lễ tân và Thư ký cho Hội đồng quản trị.



- (v) Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác do HĐQT/TT.HĐQT giao.

2.6 Các phòng ban chức năng

a. Ban Kiểm toán nội bộ (trực thuộc Ban KS):

- (i) Lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hằng năm hoặc đột xuất và thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ theo kế hoạch hoặc kiểm toán đột xuất; thực hiện các chính sách, quy trình và thủ tục kiểm toán nội bộ đã được phê duyệt, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.
- (ii) Kiểm tra, rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với tất cả các đơn vị, bộ phận, hoạt động của Ngân hàng dựa trên mức độ rủi ro và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của Ngân hàng.
- (iii) Kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót; kiến nghị xử lý những vi phạm; đề xuất biện pháp nhằm hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.
- (iv) Thực hiện tự đánh giá nội bộ đối với kết quả hoạt động kiểm toán.
- (v) Duy trì việc tham vấn, trao đổi thường xuyên với tổ chức kiểm toán độc lập, Ngân hàng Nhà nước nhằm đảm bảo hợp tác có hiệu quả; là đơn vị điều phối, phối hợp với các cơ quan bên ngoài đối với những công việc có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của kiểm toán nội bộ.

b. Đơn vị trực thuộc Tổng giám đốc:

(i) Văn phòng Ban Tổng giám đốc:

Trợ lý, Thư ký

- Trợ giúp Tổng giám đốc trong các công việc hàng ngày;
- Tiếp nhận hồ sơ/tờ trình từ tất cả các cơ quan, đơn vị chuyển đến; nhận định, tham mưu và trình Tổng giám đốc, theo dõi tiến độ bút phê Tổng giám đốc và các vấn đề liên quan hoạt động Ngân hàng;
- Kiểm tra, đôn đốc và giám sát việc triển khai các chủ trương, quy định, các chương trình hành động và các ý kiến chỉ đạo của Tổng giám đốc;
- Kết nối giữa các Đơn vị phối hợp thực hiện các Dự án hoặc hoạt động của Ngân hàng.

Ban Giám đốc lưu động

- Rà soát, đánh giá, phân tích, báo cáo và tham mưu tất cả các lĩnh vực nghiệp vụ nhằm cải tiến đem lại hiệu quả hoạt động cho Ngân hàng;
- Giám sát và báo cáo tình hình hoạt động của Ngân hàng nhằm đảm bảo an ninh và an toàn hoạt động;
- Xây dựng chính sách, quy định, quy trình để quản lý công tác giám đốc lưu động;
- Đầu mối giúp Tổng giám đốc quản lý các Giám đốc lưu động.

Ban An ninh nội bộ

- Quản lý công tác an ninh, an toàn của Ngân hàng và cán bộ nhân viên (an toàn tài sản, bảo mật thông tin, bảo vệ thương hiệu, hình ảnh và uy tín của Vietbank và khách hàng);
- Đầu mối thực hiện công tác phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi ảnh hưởng đến an ninh, an toàn của Vietbank và CBCNV.

(ii) Văn phòng khu vực miền Bắc:

Văn phòng khu vực miền bắc là cơ quan trực thuộc Ban Điều hành, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Điều hành về:

- Hỗ trợ công tác hành chính, phát triển mạng lưới.
- Hỗ trợ công tác quảng bá thương hiệu.
- Hỗ trợ công tác nhân sự, đào tạo.
- Hỗ trợ các hoạt động nghiệp vụ.

(iii) Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ và Tài sản Có (ALCO):

Hội đồng ALCO là cơ quan trực thuộc Ban Điều hành, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Điều hành về:

- Quản lý Tài sản Có và Tài sản Nợ, nhằm hạn chế các rủi ro về lãi suất, rủi ro về ngoại hối và rủi ro về thanh khoản;
- Quản lý các nguồn vốn và sử dụng vốn hiệu quả.

(iv) Hội đồng Rủi ro:

Là cơ quan trực thuộc Ban Điều hành, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Điều hành trong việc thực hành/thực thi công tác quản lý rủi ro.

(v) Hội đồng Quản lý vốn:

Là cơ quan trực thuộc Ban Điều hành, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Điều hành về:

- Kiểm tra sức chịu đựng về vốn của Vietbank;
- Lập kế hoạch vốn tối thiểu, đánh giá và báo cáo về mức đủ vốn trên cơ sở kế hoạch kinh doanh đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.

(vi) Khối Cá nhân:

Là một Khối nghiệp vụ tại Hội sở trực thuộc Ban Điều hành, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Điều hành về:

- Chiến lược, định hướng phát triển sản phẩm và dịch vụ tài chính về huy động, tín dụng, bảo hiểm Khách hàng Cá nhân.
- Hướng dẫn nghiệp vụ, soạn thảo, quản lý hệ thống văn bản nội bộ liên quan đến sản phẩm huy động, dịch vụ tài chính, tín dụng, bảo hiểm Khách hàng Cá nhân.



- Phối hợp với Trung tâm Đào tạo đào tạo nghiệp vụ, sản phẩm huy động, dịch vụ tài chính, tín dụng, bảo hiểm Khách hàng Cá nhân đến đơn vị kinh doanh, đội ngũ bán hàng, đội ngũ tác nghiệp.
- Triển khai, quản lý, giám sát việc cung cấp sản phẩm dịch vụ tới khách hàng thông qua các TTKD nhằm đạt kế hoạch kinh doanh đề ra.
- Đánh giá hiệu quả bán hàng của các TTKD và kết quả hoàn thành chỉ tiêu KPIs của các chức danh kinh doanh.
- Hỗ trợ và thúc đẩy các hoạt động bán hàng của TTKD và đội ngũ nhân sự kinh doanh.
- Đầu mối ghi nhận, hỗ trợ xử lý các phản hồi vướng mắc của TTKD liên quan đến hoạt động bán hàng.
- Xây dựng hệ thống báo cáo, đánh giá kết quả kinh doanh của các TTKD; xây dựng các chương trình thúc đẩy bán hàng, chương trình thi đua nội bộ.
- Đánh giá hiệu quả bán hàng của các TTKD và kết quả hoàn thành chỉ tiêu KPIs của các chức danh kinh doanh.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác phát triển sản phẩm huy động, dịch vụ tài chính, tín dụng, bảo hiểm Khách hàng Cá nhân

Đơn vị trực thuộc Khối Cá nhân

- Phòng Sản phẩm huy động & Dịch vụ tài chính cá nhân;
- Phòng Sản phẩm Tín dụng cá nhân;
- Phòng Sản phẩm bảo hiểm;

Trung tâm quản lý & thúc đẩy bán hàng

- Phòng Thúc đẩy bán hàng;
- Phòng Quản lý bán hàng.

(vii) Khối Doanh nghiệp:

Là một Khối nghiệp vụ tại Hội sở trực thuộc Ban Điều hành, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Điều hành về:

- Chiến lược, định hướng phát triển sản phẩm và dịch vụ tài chính về huy động, tín dụng Khách hàng Doanh nghiệp.
- Hướng dẫn nghiệp vụ, soạn thảo, quản lý hệ thống văn bản nội bộ liên quan đến sản phẩm huy động, dịch vụ tài chính, tín dụng Khách hàng Doanh nghiệp.
- Phối hợp với Trung tâm Đào tạo đào tạo nghiệp vụ, sản phẩm huy động, dịch vụ tài chính, tín dụng Khách hàng Doanh nghiệp đến đơn vị kinh doanh, đội ngũ bán hàng, đội ngũ tác nghiệp.
- Đầu mối kiểm tra và thực hiện các giao dịch thanh toán quốc tế.

- Quản lý hoạt động thanh toán quốc tế.
- Quản lý việc sử dụng hệ thống Swift tại Phòng thanh toán quốc tế.
- Sử dụng, theo dõi, đối chiếu, xử lý sai biệt (nếu có), giao nhận sổ phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của Vietbank tại các tổ chức tín dụng khác quốc tế; Quản lý tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của tổ chức tín dụng khác quốc tế tại Vietbank.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác phát triển sản phẩm huy động, dịch vụ tài chính, tín dụng, bảo hiểm Khách hàng Doanh nghiệp.
- Tổ chức, triển khai các chiến lược, chính sách, định hướng, kế hoạch, sản phẩm... liên quan đến các hoạt động kinh doanh đối với nhóm khách hàng đặc thù do Hội đồng Quản trị/Tổng Giám đốc phân công trong từng thời kỳ.

Đơn vị trực thuộc Khối Doanh nghiệp

- Phòng Sản phẩm huy động & Dịch vụ tài chính doanh nghiệp;
- Phòng Sản phẩm tín dụng doanh nghiệp;
- Phòng Sản phẩm Ngân hàng Giao dịch;
- Phòng Định chế tài chính;
- Phòng Thanh toán quốc tế.

(viii) Khối Kinh doanh:

Là một Khối nghiệp vụ tại Hội sở trực thuộc Ban Điều hành, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Điều hành về:

- Quản lý, chăm sóc và phát triển khách hàng Doanh nghiệp lớn & FDI, VIP. Quản lý các hoạt động liên kết để khai thác hệ sinh thái xoay quanh khách hàng Doanh nghiệp lớn & FDI.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác chăm sóc và phát triển khách hàng Doanh nghiệp lớn & FDI, VIP, các đối tác liên kết, nhóm khách hàng đặc thù.
- Xác định các cơ hội và triển khai các bước hợp tác với Khách hàng VIP, Doanh nghiệp lớn & FDI.
- Tổ chức triển khai cho đội ngũ bán hàng.
- Tổ chức, triển khai các chiến lược, chính sách, định hướng, kế hoạch, sản phẩm... liên quan đến các hoạt động kinh doanh đối với nhóm khách hàng đặc thù do Hội đồng quản trị/Tổng giám đốc phân công trong từng thời kỳ.
- Phân tích, hỗ trợ tín dụng và nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác phân tích, hỗ trợ tín dụng.
- Các chức năng khác do Tổng giám đốc phân công trong từng thời kỳ.

Đơn vị trực thuộc khối Kinh doanh.



- Phòng Doanh nghiệp lớn & FDI;
- Phòng Phát triển khách hàng VIP;
- Phòng Hợp tác kinh doanh;
- Phòng Quan hệ khách hàng;
- Phòng Hỗ trợ kinh doanh.

(ix) Khối Dịch vụ Ngân hàng số:

Là một Khối nghiệp vụ tại Hội sở trực thuộc Ban Điều hành, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Điều hành về:

- Nghiên cứu phát triển sản phẩm, dịch vụ Thẻ và Ngân hàng số.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác phát triển sản phẩm, dịch vụ Thẻ và Ngân hàng số, vận hành thẻ, ngân hàng số
- Quản lý, phát triển kinh doanh và kênh phân phối.
- Phát triển, quản lý Đơn vị chấp nhận thanh toán, ATM/POS.
- Phát triển kỹ thuật và vận hành thẻ.
- Quản lý phát hành thẻ, nợ thẻ tín dụng, tiếp nhận và xử lý các nghiệp vụ Thẻ, Ngân hàng số.
- Quản lý hình ảnh, thương hiệu.
- Nghiên cứu phát triển ứng dụng công nghệ số.
- Quản lý vận hành kỹ thuật và triển khai công nghệ số.
- Vận hành hệ thống Hotline.
- Hỗ trợ và dịch vụ khách hàng.
- Tư vấn bán hàng.
- Các chức năng khác do Tổng giám đốc phân công trong từng thời kỳ.

Đơn vị trực thuộc khối Dịch vụ Ngân hàng số.

- Phòng Chính sách & Sản phẩm;
- Phòng Kinh doanh;
- Phòng Vận hành Thẻ;
- Phòng Quản lý hoạt động Ngân hàng số;
- Phòng Giải pháp Ngân hàng số;
- Phòng Dịch vụ khách hàng Ngân hàng số.



(x) Khối Thị trường tài chính:

Là một Khối nghiệp vụ tại Hội sở trực thuộc Ban Điều hành, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Điều hành về:

- Nghiên cứu thị trường tài chính tiền tệ.
- Xác định phân khúc khách hàng và xác định nhu cầu khách hàng.
- Xác định tập khách hàng mục tiêu.
- Xây dựng mô hình kinh doanh của các phòng nghiệp vụ.
- Xây dựng sản phẩm tài chính.
- Xử lý giao dịch vốn theo qui định (phối hợp với Phòng Quản lý TSC & TSN).
- Kinh doanh vốn trên thị trường Liên ngân hàng.
- Quản lý hoạt động kinh doanh ngoại hối và các sản phẩm phái sinh với khách hàng.
- Kinh doanh ngoại hối và các sản phẩm phái sinh với khách hàng.
- Kinh doanh ngoại hối và các sản phẩm phái sinh trên thị trường tài chính.
- Các chức năng khác theo phân công của Tổng giám đốc trong từng thời kỳ.

Đơn vị trực thuộc Khối Thị trường tài chính

- Phòng Nghiên cứu & Phát triển Sản phẩm tài chính;
- Phòng Kinh doanh vốn;
- Phòng Kinh doanh Ngoại hối & Sản phẩm phái sinh.

(xi) Khối Vận hành:

Là một Khối nghiệp vụ tại Hội sở trực thuộc Ban Điều hành, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Điều hành về:

- Xây dựng quy định, quy trình để quản lý các giao dịch về tiền trong công tác tín dụng.
- Đào tạo, hướng dẫn kênh phân phối thực hiện thống nhất các quy định, quy trình để quản lý các giao dịch về tiền trong công tác tín dụng.
- Thực hiện giải ngân đối với tất cả các khoản vay hoặc các khoản vay có giá trị do Tổng Giám đốc quyết định trong từng thời kỳ; Kiểm soát việc phát hành tất cả thư bảo lãnh.
- Tổ chức thực hiện, kiểm soát nghiệp vụ quản lý hồ sơ tài sản đảm bảo.
- Tổ chức thực hiện nghiệp vụ pháp lý chứng từ.
- Quản lý hoạt động giao dịch và ngân quỹ tại tất cả các kênh.
- Thực hiện mô hình thanh toán tập trung; Sử dụng, theo dõi, đối chiếu, xử lý sai biệt (nếu có), giao nhận sổ phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của Vietbank tại NHNN và các tổ chức tín dụng khác

trong nước; Quản lý tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của tổ chức tín dụng khác trong nước tại Vietbank.

- Thực hiện dịch vụ thu chi hộ với các đối tác lớn.
- Kiểm soát các hoạt động ngân quỹ và giao dịch.
- Điều chuyển vốn nội bộ (tiền mặt, chuyển khoản) và quản lý giao nhận tiền mặt với NHNN và các TCTD khác; quản lý công tác an toàn kho quỹ.
- Báo cáo nội bộ và cơ quan Nhà nước.
- Xây dựng quy định, quy trình để xử lý giao dịch ngoại hối và thị trường tài chính.
- Xử lý các giao dịch tiền tệ.
- Kiểm soát các giao dịch về ngoại hối và thị trường tài chính.
- Quản lý hồ sơ giao dịch.
- Quản lý, theo dõi, đối chiếu, giao nhận sổ phụ tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Vietbank tại các TCTD khác trong và ngoài nước và tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác trong và ngoài nước tại Vietbank.
- Báo cáo nội bộ và báo cáo NHNN.
- Chức năng khác do Tổng Giám đốc phân công trong từng thời kỳ.

Đơn vị trực thuộc Khối Vận hành

- Phòng Vận hành Tín dụng;
- Phòng Vận hành Giao dịch & Ngân quỹ;
- Phòng Vận hành Ngoại hối & Thị trường tài chính.

(xii) Khối Công nghệ thông tin

Là một Khối nghiệp vụ tại Hội sở trực thuộc Ban Điều hành, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Điều hành về:

- Nghiên cứu và tư vấn giải pháp phát triển Công nghệ thông tin (CNTT) của Ngân hàng;
- Quản lý các dự án công nghệ thông tin.
- Xây dựng, quản lý, giám sát các chính sách, quy định liên quan đến công nghệ thông tin theo tiêu chuẩn NHNN và thông lệ quốc tế.
- Triển khai hạ tầng CNTT.
- Quản lý Trung tâm Dữ liệu của Ngân hàng.
- Các chức năng khác do Tổng Giám đốc phân công trong từng thời kỳ.



Đơn vị trực thuộc Khối Công nghệ thông tin

- Phòng Kiến trúc Công nghệ thông tin;
- Phòng Chính sách & An ninh thông tin;
- Phòng Kỹ thuật hạ tầng;
- Phòng Phát triển ứng dụng;
- Phòng Vận hành hệ thống.

(xiii) Khối Tín dụng

Là một Khối nghiệp vụ tại Hội sở trực thuộc Ban Điều hành, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Điều hành về:

- Xây dựng chính sách, quy định, quy trình, hướng dẫn liên quan đến nghiệp vụ thẩm định giá tài sản đảm bảo.
- Tuyển dụng và đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá cho toàn hệ thống Vietbank.
- Thẩm định và phê duyệt kết quả định giá tài sản.
- Đầu mối hợp tác với các đối tác bên ngoài để thực hiện chức năng thẩm định giá tài sản.
- Thẩm định/Tái thẩm định/phê duyệt các hồ sơ liên quan đến khách hàng theo quy định của Vietbank.
- Xây dựng quy định, quy trình liên quan đến hoạt động thẩm định/tái thẩm định.
- Thẩm định/Tái thẩm định/phê duyệt các hồ sơ cấp thẻ tín dụng liên quan đến khách hàng theo quy định của Vietbank.
- Xây dựng quy định, quy trình liên quan đến nghiệp vụ thẩm định/tái thẩm định hồ sơ cấp thẻ tín dụng.
- Thẩm định/Tái thẩm định/phê duyệt các hồ sơ liên quan đến khách hàng theo quy định của Vietbank. Thẩm định các dự án do Vietbank đồng tài trợ hoặc các đối tác khác theo quy định của Vietbank.
- Quản lý chất lượng hoạt động tín dụng trong toàn hệ thống.
- Quản lý chất lượng đội ngũ liên quan đến công tác tín dụng trong toàn hệ thống.
- Xây dựng và quản lý các văn bản liên quan đến hoạt động quản lý chất lượng tín dụng
- Đầu mối thực hiện báo cáo liên quan đến hoạt động phê duyệt tín dụng của toàn Ngân hàng;
- Các chức năng khác do Tổng Giám đốc phân công trong từng thời kỳ.

Đơn vị trực thuộc Khối Tín dụng

- Phòng Định giá tài sản;



- Phòng Tín dụng cá nhân;
- Phòng Tín dụng thẻ;
- Phòng Tín dụng doanh nghiệp;
- Phòng Quản lý chất lượng tín dụng.

(xiv) Khối Tài chính

Là một Khối nghiệp vụ tại Hội sở trực thuộc Ban Điều hành, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Điều hành về:

- Xây dựng chính sách, quy định, quy trình để quản lý, hướng dẫn công tác kế toán tài chính của Ngân hàng.
- Thực hiện công tác kế toán tài chính của Ngân hàng.
- Quản lý các tài khoản tiền gửi của Hội sở tại NHNN và các TCTD khác trong nước.
- Xây dựng chính sách, quy định, quy trình để quản lý, hướng dẫn công tác kế toán quản trị và công tác kế hoạch của Ngân hàng.
- Thực hiện công tác kế toán quản trị của Ngân hàng.
- Thực hiện công tác kế hoạch của Ngân hàng.
- Chức năng khác do Tổng Giám đốc phân công trong từng thời kỳ.

Đơn vị trực thuộc Khối Tài chính

- Phòng Quản lý Tài sản có & Tài sản nợ (ALM);
- Phòng Kế toán;
- Phòng Tài chính.

(xv) Khối Quản lý rủi ro

Là một Khối nghiệp vụ tại Hội sở trực thuộc Ban Điều hành, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Điều hành về:

- Quản lý và tổ chức thực hiện công tác pháp chế trong toàn hệ thống Vietbank.
- Lập mẫu biểu hợp đồng, thỏa thuận giao dịch, văn bản phát hành ra bên ngoài của Vietbank
- Thẩm định và/hoặc tham gia trực tiếp vào việc xây dựng các quy định, quy trình, chính sách nội bộ của Vietbank.
- Đại diện cho Vietbank tham gia tố tụng, làm việc với cơ quan, tổ chức khác về các vấn đề pháp luật liên quan đến tổ chức và hoạt động của Vietbank khi được ủy quyền, không bao gồm việc đại diện tham gia tố tụng trong hoạt động xử lý nợ.
- Đầu mối thực hiện công tác phòng, chống rửa tiền.



- Xây dựng, thực hiện, duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo các yêu cầu của ISO 9001
- Kiểm tra, giám sát tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy định nội bộ của Vietbank.
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về trách nhiệm, quyền hạn của cán bộ quản lý
- Giám sát từ xa việc tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy định nội bộ của Vietbank. Quản lý nợ trong hạn trong toàn hệ thống.
- Quản lý, xử lý, thu hồi nợ quá hạn trong toàn hệ thống.
- Tổng hợp thông tin xử lý nợ.
- Quản lý tài sản Vietbank nhận để cầm trừ nợ.
- Quản lý danh mục và thực hiện tính lãi các khoản nợ nội, ngoại bảng cần xử lý.
- Xây dựng và triển khai bộ khung quản lý rủi ro tín dụng.
- Tham mưu cho Ủy ban quản lý rủi ro và Ban điều hành về chính sách quản lý rủi ro tín dụng của Ngân hàng.
- Xây dựng cơ chế cảnh báo sớm đối với hoạt động quản lý rủi ro tín dụng.
- Thực hiện giám sát và đánh giá hoạt động quản lý rủi ro tín dụng trong toàn hệ thống; hoạt động quản lý rủi ro các phòng/ban nghiệp vụ tại Hội sở và từng Đơn vị kinh doanh.
- Xây dựng và triển khai bộ khung quản lý rủi ro vận hành.
- Tham mưu cho Ủy ban quản lý rủi ro và Ban điều hành về chính sách quản lý rủi ro vận hành của Ngân hàng.
- Xây dựng cơ chế cảnh báo sớm đối với các mảng hoạt động phát sinh nhiều rủi ro.
- Thực hiện giám sát và đánh giá hoạt động quản lý rủi ro hoạt động.
- Xây dựng và triển khai bộ khung quản lý rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản.
- Tham mưu cho Ủy ban quản lý rủi ro, Hội đồng quản lý tài sản Nợ - tài sản Có và Ban điều hành về chính sách quản lý rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản của ngân hàng.
- Xây dựng cơ chế cảnh báo sớm đối với hoạt động có yếu tố rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản.
- Thực hiện giám sát và đánh giá hoạt động quản lý rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản.
- Các chức năng khác do Tổng Giám đốc phân công trong từng thời kỳ.

Đơn vị trực thuộc Khối Quản lý rủi ro

- Phòng Pháp lý & Tuân thủ;
- Phòng Kiểm soát nội bộ;
- Phòng Quản lý nợ;



- Phòng Quản lý rủi ro tín dụng;
- Phòng Quản lý rủi ro vận hành;
- Phòng Quản lý rủi ro thị trường.

(xvi) Khối Hỗ trợ kinh doanh

Là một Khối nghiệp vụ tại Hội sở trực thuộc Ban Điều hành, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Điều hành về:

- Xây dựng, quản lý và phát triển thương hiệu của Vietbank.
- Quản lý hình ảnh, thương hiệu Vietbank trên toàn hệ thống và tại mọi điểm tiếp xúc với khách hàng.
- Thiết kế hình ảnh, thương hiệu Vietbank.
- Xây dựng các chính sách, quy chuẩn, quy trình Marketing.
- Xây dựng, tổ chức thực hiện và quản lý hệ thống đánh giá hiệu quả hoạt động Marketing.
- Xây dựng quy định, tổ chức và quản lý công tác phát ngôn chính thức của Vietbank.
- Quản lý và phát triển mối quan hệ với các cơ quan thống tấn báo chí, truyền hình, phát thanh,...
- Xây dựng, cập nhật quy định xử lý khủng hoảng thông tin và tham gia xuyên suốt trong quá trình xử lý khủng hoảng thông tin.
- Xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện toàn bộ các hoạt động truyền thông đối ngoại và quan hệ công chúng.
- Xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện toàn bộ các hoạt động truyền thông đối nội và tham gia vào tiến trình xây dựng văn hóa doanh nghiệp cho Vietbank. Xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện tất cả các chiến dịch quảng cáo của Vietbank trên mọi kênh tương tác.
- Tổ chức công tác Nghiên cứu thị trường và Thấu hiểu khách hàng.
- Tổ chức công tác đánh giá sự hài lòng của khách hàng đối với các sản phẩm dịch vụ của Vietbank.
- Tư vấn các giải pháp Marketing hướng đến khách hàng cho các Khối kinh doanh nhằm xây dựng các chính sách, sản phẩm, dịch vụ phù hợp... đáp ứng nhu cầu và mong muốn của khách hàng.
- Xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện tất cả các chiến dịch Marketing trên toàn hệ thống nhằm hỗ trợ kinh doanh.
- Phối hợp với các khối kinh doanh nhằm xây dựng các chính sách khách hàng thân thiết.
- Xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển nguồn nhân lực.
- Tuyển dụng nhân sự.
- Quản lý nhân sự.



- Hoạch định và Phát triển đào tạo.
- Quản lý công tác đào tạo.
- Công tác Phát triển mạng lưới.
- Các chức năng khác do Tổng Giám đốc phân công trong từng thời kỳ.

Đơn vị trực thuộc Khối Hỗ trợ kinh doanh

Trung tâm Marketing:

- Phòng Thương hiệu & Chính sách Marketing;
- Phòng Đối ngoại & Truyền thông;
- Phòng Marketing Kinh doanh.

Trung tâm phát triển nguồn Nhân lực:

- Phòng Nhân sự;

Trung tâm dịch vụ nội bộ:

- Phòng Hành chính quản trị;
- Phòng Quản lý tài sản.

Trung tâm đào tạo

- Phòng Phát triển chương trình;
- Phòng E-learning và Khảo thí;
- Phòng Quản lý đào tạo;
- Phòng Tổ chức đào tạo.

3. Danh sách Cổ đông Ngân hàng

3.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Ngân hàng

Không có.

3.2 Cổ đông sáng lập

Vietbank được thành lập theo Quyết định số 2391/QĐ-NHNN ngày 14/12/2006, Giấy phép hoạt động số 2399/QĐ-NHNN ngày 15/12/2006 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, được đăng ký kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2200269805 do Sở Kế hoạch & đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 12/01/2007.

Căn cứ quy định tại Điều 119 Luật Doanh nghiệp thì đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập.



3.3 Cơ cấu cổ đông tại ngày 30/06/2019

STT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	Tổ chức	8	131.328.000	31,34%
	Trong nước	8	131.328.000	31,34%
	Nước ngoài	0	0	0%
2	Cá nhân	263	287.691.904	68,66%
	Trong nước	263	287.691.904	68,66%
	Nước ngoài	0	0	0%
3	Cổ phiếu quỹ	0	0	0%
	Cộng	271	419.019.904	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông Vietbank tại thời điểm 30/06/2019 do VSD cung cấp

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Ngân hàng, những công ty mà Ngân hàng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Ngân hàng

4.1 Công ty mẹ và những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Ngân hàng:

Không có.

4.2 Công ty con và những công ty mà Ngân hàng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc chi phối

Cty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản NH Việt Nam Thương Tín (VIETBANK – AMC)

- Giấy CNĐKDN: 0310898270 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 06/06/2011, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 29/3/2019.
- Trụ sở chính: Số 90 Cao Thắng, Phường 4, Quận 3, TP. HCM, Việt Nam;
- Điện thoại: 028.6291.8100 Fax: 028.6291.3621;
- Hoạt động kinh doanh chính: Tiếp nhận, quản lý các khoản nợ tồn đọng và tài sản bảo đảm nợ vay liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi vốn; Cơ cấu lại nợ tồn đọng bằng các biện pháp: giãn nợ, miễn giảm lãi suất, đầu tư thêm, chuyển đổi nợ thành vốn góp; Hoàn thiện các hồ sơ liên quan đến các khoản nợ theo quy định của pháp luật; Xử lý tài sản bảo đảm nợ vay; Mua, bán nợ tồn đọng của tổ chức tín dụng khác, của các công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của ngân hàng thương mại khác theo quy định của pháp luật;
- Vốn điều lệ:
 - + Vốn điều lệ đăng ký: 5.000.000.000 đồng;
 - + Vốn điều lệ thực góp: 5.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ góp vốn của Vietbank: 100%.



5. Hoạt động kinh doanh

5.1 Sản phẩm dịch vụ qua các năm

5.1.1 Huy động vốn, cho vay, dịch vụ ngân hàng

a. Huy động vốn:

(i) Cá nhân:

- Sản phẩm Tiết kiệm truyền thống: có nhiều kỳ hạn, và kỳ lĩnh lãi (lãi tháng, lãi quý, lãi cuối kỳ, lãi trả trước) để khách hàng lựa chọn theo nhu cầu phù hợp.
- Sản phẩm Tiết kiệm Linh hoạt vốn: giúp khách hàng linh hoạt sử dụng vốn khi khách hàng phát sinh nhu cầu sử dụng vốn. Phần rút trước hạn hưởng lãi không kỳ hạn, phần vốn còn lại vẫn được hưởng lãi có kỳ hạn.
- Sản phẩm tiết kiệm online: giúp những khách hàng bận rộn không có thời gian đến giao dịch trực tiếp tại Ngân hàng, ngoài ra khi tham gia tiết kiệm online, khách hàng còn được hưởng thêm lãi suất tại các kỳ hạn cao hơn truyền thống hiện tại.
- Sản phẩm Tiết kiệm quyền chọn: Khách hàng chủ động chọn chính xác ngày đến hạn mà khách hàng mong muốn và được hưởng lãi suất có kỳ hạn.
- Sản phẩm Đa tiện ích: sản phẩm trung dài hạn, nhiều tiện ích và có nhiều ưu đãi như: giảm 50% phí thanh toán quốc tế, phí giao dịch tại quầy, phí giao dịch qua Ngân hàng điện tử, ưu đãi vay....
- Sản phẩm Tích lũy tương lai: giúp khách hàng tích lũy số tiền nhỏ thành một số tiền lớn trong tương lai.
- Sản phẩm tiết kiệm Đa Lộc (VND): sản phẩm trung dài hạn, có nhiều tiện ích và ưu đãi, KH được linh hoạt rút trước 1 phần vốn gốc và phần vốn còn lại vẫn được hưởng lãi suất có kỳ hạn.
- Sản phẩm tiết kiệm Lĩnh lãi trước: là sản phẩm có kỳ hạn gửi từ 1-13 tháng. Khách hàng được nhận tiền lãi ngay khi gửi với mức lãi suất ưu đãi.

(ii) Doanh nghiệp:

- Sản phẩm Tiền gửi truyền thống: có nhiều kỳ hạn và kỳ lĩnh lãi để khách hàng lựa chọn theo nhu cầu phù hợp.
- Sản phẩm Tiền gửi Đầu tư linh hoạt: giúp khách hàng linh hoạt sử dụng vốn khi khách hàng phát sinh nhu cầu vốn. Phần rút trước hạn hưởng lãi không kỳ hạn, phần vốn còn lại vẫn được hưởng lãi có kỳ hạn. Nếu khách hàng không rút trước một phần vốn, khách hàng sẽ nhận ưu đãi tăng thêm lãi suất.
- Sản phẩm Đa tiện ích: Sản phẩm huy động trung dài hạn VND với nhiều tiện ích và nhiều ưu đãi như: giảm 50% phí thanh toán quốc tế, phí giao dịch tại quầy, phí giao dịch qua Ngân hàng điện tử, ưu đãi phí phát hành bảo lãnh, ưu đãi vay....
- Tiền gửi siêu linh hoạt: Hỗ trợ doanh nghiệp quản lý dòng tiền nhàn rỗi linh hoạt và hiệu quả với nhiều mức lãi suất hấp dẫn. Có thể sử dụng để đảm bảo vay vốn hoặc bảo lãnh cho bên thứ ba vay vốn tại Vietbank.



- Tài khoản tiền gửi ký quỹ: Đáp ứng nhu cầu thực hiện nghĩa vụ tài chính của Doanh nghiệp đối với Vietbank hoặc các bên liên quan hoặc hoàn chỉnh hồ sơ thủ tục bổ sung ngành nghề kinh doanh một cách nhanh chóng.

(iii) Cơ cấu huy động vốn:

Theo loại hình tiền gửi:

Chỉ tiêu	Ngày 31/12/2018	Ngày 31/12/2017
	Triệu đồng	Triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn	1.566.745	1.582.115
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	1.474.985	1.573.446
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	91.760	8.669
Tiền gửi có kỳ hạn	2.801.702	2.705.892
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	2.793.112	2.700.958
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	8.590	4.934
Tiền gửi tiết kiệm	35.419.907	26.915.427
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VND	8.829	49.054
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng ngoại tệ	9.134	5.244
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VND	35.054.610	26.299.296
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng ngoại tệ	347.334	561.833
Tiền gửi ký quỹ	61.919	92.552
Tiền gửi ký quỹ bằng VND	60.922	92.552
Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	997	0
Tiền gửi vốn chuyên dùng	5.197	6.625
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng VND	5.157	5.489
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ	40	1.136
Tổng cộng	39.855.470	31.302.611

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018

Theo đối tượng khách hàng:

Chỉ tiêu	Ngày 31/12/2018		Ngày 31/12/2017	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Tiền gửi của TCKT	3.902.447	9,79	3.997.555	12,77
Công ty TNHH khác	1.330.110	3,36	1.563.552	4,98



Chỉ tiêu	Ngày 31/12/2018		Ngày 31/12/2017	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Công ty cổ phần khác	1.729.911	4,34	1.246.870	3,98
Công ty Nhà nước	273.185	0,69	199.674	0,64
Công ty TNHH 1 thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	80.818	0,2	115.224	0,37
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	74.516	0,19	431.716	1,38
Công ty cổ phần có vốn cổ phần của Nhà nước chiếm trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối đối với công ty trong điều lệ của công ty	43.783	0,11	325.523	1,04
Công ty TNHH 2 thành viên trở lên có phần vốn góp của Nhà nước trên 50% vốn điều lệ hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối	27.905	0,07	39.289	0,13
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	17.804	0,03	8.258	0,04
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	16.213	0,04	10.378	0,03
Doanh nghiệp tư nhân	549	-	973	-
Công ty hợp danh	222	-	46	-
Khác	307.431	0,76	56.052	0,18
Tiền gửi của cá nhân	35.953.023	90,21	27.305.056	87,23
Tổng cộng	39.855.470	100	31.302.611	100

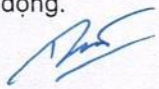
Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018

b. Cho vay:

Hiện tại, về cơ bản Vietbank đã có đủ các sản phẩm cho vay để phục vụ nhu cầu của khách hàng:

(i) Cá nhân:

- Cho vay sản xuất kinh doanh:
 - + Cho vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động.



- + Cho vay trung dài hạn bổ sung vốn lưu động trả góp, đầu tư nhà xưởng, tài sản cố định, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.
- + Cho vay tiêu thương nhỏ lẻ.
- Cho vay phục vụ đời sống:
 - + Mua nhà đất, xây dựng/ sửa chữa nhà ở.
 - + Mua nhà ở hình thành trong tương lai.
 - + Cho vay CBNV nguồn thu nhập chính từ lương.
 - + Mua xe ô tô tiêu dùng.
 - + Tiêu dùng nhỏ lẻ (có hoặc không có tài sản đảm bảo).
 - + Cầm cố sổ tiết kiệm cho vay du học/du lịch nước ngoài.
 - + Chứng minh tài chính.

(ii) Doanh nghiệp:

- + Ngắn hạn: bổ sung vốn lưu động, tài trợ thương mại trong nước, tài trợ hợp đồng đầu ra trong nước, tài trợ xuất nhập khẩu, thấu chi tài khoản tiền gửi thanh toán, chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu, tài trợ toàn diện đối với các đối tác liên kết.
- + Trung dài hạn: đầu tư tài sản cố định, nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, đầu tư Dự án mới.

(iii) Cơ cấu cho vay:

Theo thời gian cho vay ban đầu

Chỉ tiêu	Ngày 31/12/2018		Ngày 31/12/2017	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Nợ ngắn hạn	14.187.602	39,97	9.510.048	33,12
Nợ trung hạn	6.666.946	18,78	3.433.445	11,96
Nợ dài hạn	14.640.726	41,25	15.769.854	54,92
Tổng	35.495.274	100	28.713.347	100

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018

Theo đối tượng khách hàng và loại hình doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Ngày 31/12/2018		Ngày 31/12/2017	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Hộ kinh doanh, cá nhân	16.441.058	46,32	12.826.539	44,67



<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Ngày 31/12/2018</i>		<i>Ngày 31/12/2017</i>	
	<i>triệu đồng</i>	<i>%</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>%</i>
Công ty TNHH khác	10.288.892	28,98	8.167.187	28,44
Công ty cổ phần khác	6.290.545	17,72	5.024.891	17,5
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.275.648	3,59	1.436.654	5
Công ty Nhà nước	634.257	1,79	548.401	1,91
Công ty TNHH 1 thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	399.752	1,13	477.837	1,66
Doanh nghiệp tư nhân	97.375	0,27	144.587	0,5
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	12.531	0,04	16.833	0,06
Công ty hợp danh	10.000	0,03	10.000	0,03
Công ty TNHH 2 thành viên trở lên có phần vốn góp của Nhà nước trên 50% vốn điều lệ hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối	5.640	0,02	-	-
Công ty cổ phần có vốn góp của Nhà nước trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối đối với công ty trong Điều lệ của công ty	1.597	-	28.401	0,1
Khác	37.979	0,11	32.017	0,13
Tổng cộng	35.495.274	100	28.713.347	100

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018

(iv) Chất lượng nợ cho vay

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Ngày 31/12/2018</i>	<i>Ngày 31/12/2017</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Nợ đủ tiêu chuẩn	34.688.640	28.127.000
Nợ cần chú ý	362.999	198.923
Nợ dưới tiêu chuẩn	40.597	30.162
Nợ nghi ngờ	34.425	71.724



<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Ngày 31/12/2018</i>	<i>Ngày 31/12/2017</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Nợ có khả năng mất vốn	368.613	285.538
Tổng cộng	35.495.274	28.713.347

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018

c. Dịch vụ ngân hàng

- (i) Bảo lãnh: phát hành L/C, bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh trong bán, cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai và các loại bảo lãnh khác theo quy định của pháp luật.
- (ii) Các dịch vụ khác:
- Trên cơ sở các định hướng của NHNN và diễn biến thị trường, Vietbank hoàn thiện những giải pháp, cải tiến mô hình kinh doanh với mục tiêu trở thành Ngân hàng bán lẻ chuyên nghiệp và năng động. Hiện Vietbank đã xây dựng danh mục đa dạng các sản phẩm - dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp thuộc nhiều lĩnh vực: thẻ, tiền gửi, tiền vay, ngoại hối, ngân hàng điện tử
 - Vietbank đã liên tục đổi mới, ban hành các sản phẩm dịch vụ như: thay đổi, nâng cấp giao diện ngân hàng điện tử chuyên nghiệp, và hiện đại; triển khai mới dịch vụ trên Mobile Banking; cải tiến dịch vụ chuyển khoản nhanh qua NAPAS: triển khai trên tất cả các hệ điều hành của Smartphone như Android, IOS, Windows Phone; triển khai thêm dịch vụ chuyển khoản nhanh dành cho khách hàng doanh nghiệp tại quầy; triển khai Đăng ký dịch vụ Vietbank M-Plus, cấp lại mã kích hoạt Vietbank M-Plus, tạm khóa/mở khóa dịch vụ Vietbank M-Plus, hủy dịch vụ Vietbank M-Plus...
 - Theo lộ trình, Vietbank tiếp tục hoàn thiện và triển khai các sản phẩm dịch vụ theo hướng “Hiện đại – Tinh gọn – Đa tiện ích”; đưa các sản phẩm, dịch vụ truyền thống (tại quầy) lên các kênh giao dịch Ngân hàng điện tử, cụ thể:
 - + Tiếp tục triển khai sản phẩm “Tiền gửi Online”, hoàn thiện tiện ích gửi tiết kiệm trực tuyến (nộp thêm tiền vào tài khoản tích lũy).
 - + Mở rộng danh sách các nhà cung cấp dịch vụ thanh toán hóa đơn; các đối tác liên kết thực hiện dịch vụ trung gian thanh toán.
 - + Dự kiến triển khai đăng ký vay trực tuyến, cho vay online cầm cố sổ tiết kiệm.
 - + Nâng cao chất lượng các dịch vụ rút tiền không cần thẻ; chuyển tiền qua điện thoại di động – nhận tiền tại ATM.
 - + Đối với chuyển khoản ngoài, sẽ phát triển thêm chuyển khoản nhanh qua các ngân hàng đã là thành viên của SmartLink cũ trên các kênh giao dịch Ngân Hàng điện tử và tại quầy.



- Tập trung phát triển dịch vụ chi lương cho doanh nghiệp để tăng nguồn vốn không kỳ hạn, tăng thu phí dịch vụ chi lương, phí chuyển khoản, đồng thời bán chéo sản phẩm, dịch vụ cho người lao động tại công ty chi lương.
- Xây dựng và triển khai thêm các dịch vụ mới để tăng doanh thu phí và nguồn vốn không kỳ hạn trong tài khoản tiền gửi thanh toán: Dịch vụ bảo quản, giữ hộ tài liệu có giá; Dịch vụ trung gian thanh toán chuyển nhượng bất động sản; Dịch vụ nộp thuế điện tử qua Tổng cục Hải quan; Triển khai tìm đối tác xây dựng Ví điện tử.
- Đầu tư hệ thống thẻ, xây dựng và phát triển các sản phẩm thẻ ghi nợ/ thẻ tín dụng.
- Xây dựng và triển khai thêm các tiện ích để thu hút khách hàng, gia tăng khách hàng mới cũng như đẩy mạnh thương hiệu Vietbank: đăng ký/hủy/cấp lại mã kích hoạt dịch vụ Mobile Banking qua Internet Banking; thanh toán nợ vay online; điều chỉnh tính năng gửi tiết kiệm online; cải tiến quy trình, nguyên tắc xử lý đối với các giao dịch chuyển khoản online ngoài hệ thống để đẩy nhanh tốc độ xử lý; tiếp nhận các yêu cầu của khách hàng qua Internet Banking hoặc website Vietbank; tiếp nhận thông tin khiếu nại giao dịch của khách hàng qua Internet Banking.
- Điều chỉnh thu phí qua các kênh giao dịch ngân hàng điện tử. Hiện tại, Vietbank chưa thu phí các dịch vụ, tiện ích cung cấp cho khách hàng như: SMS Banking: miễn phí thường niên/ phí nhắn tin thay đổi số dư; Mobile Banking: miễn phí thường niên, miễn phí chuyển khoản (trong hệ thống và chuyển khoản nhanh Banknetvn); Internet Banking: phí chuyển khoản nhanh Banknetvn thấp nhất trên thị trường; Vietbank Cardless: miễn phí rút tiền; Nộp thuế điện tử: miễn phí giao dịch.

5.1.2 Thanh toán quốc tế

- Vietbank cung cấp dịch vụ thanh toán quốc tế đa dạng cho tất cả khách hàng doanh nghiệp và cá nhân:
 - + Khách hàng doanh nghiệp: mục đích thanh toán tiền hàng hóa xuất nhập khẩu, dịch vụ theo các phương thức: chuyển tiền (T/T); nhờ thu (DA/DP); Tín dụng chứng từ (LC); ...
 - + Khách hàng cá nhân: chuyển tiền đi và đến cho nhiều mục đích vắng lai khác nhau.
- Trong thời gian tới, Vietbank tiếp tục đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ thanh toán quốc tế cung cấp cho khách hàng: như bảo lãnh quốc tế, bao thanh toán quốc tế, tư vấn thanh toán quốc tế, ...
- Hiện nay, Vietbank đã mở nhiều tài khoản Nostro ngoại tệ (USD, EUR, AUD, JPY, ...) ở nước ngoài nhằm đa dạng hóa dịch vụ thanh toán quốc tế cung cấp cho khách hàng. Việc thiết lập quan hệ đại lý ngày càng được mở rộng tại hầu hết các quốc gia/thị trường có hoạt động thương mại với Việt Nam nhằm phục vụ cho các khách hàng trong và ngoài nước.
- Trong những năm qua hoạt động thanh toán quốc tế của Vietbank có mức tăng trưởng ổn định và luôn duy trì tốc độ tăng năm sau cao hơn năm trước, với tỷ lệ tăng trưởng bình quân trên 50%/năm. Việc chú trọng phát triển dịch vụ thanh toán quốc tế tại Vietbank nhằm không ngừng nâng cao tỷ trọng nguồn thu từ dịch vụ cho ngân hàng, trong đó thanh toán quốc tế tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong định hướng phát triển của Vietbank trong thời gian tới.



5.1.3 Kinh doanh ngoại hối, kinh doanh trái phiếu Chính phủ, đầu tư giấy tờ có giá, đầu tư tài sản thanh khoản

- Nhận gửi USD và gửi VND, kinh doanh tiền tệ (đi vay và cho vay lại).
- Vay liên ngân hàng, đầu tư Trái phiếu chính phủ, mua bán Trái phiếu chính phủ, môi giới ngoại tệ, tự doanh ngoại tệ (FX) trên thị trường liên ngân hàng.
- Đầu tư Giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng khác, đầu tư tài sản thanh khoản.

5.2 Thu nhập hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	2017		2018		Quý 1/2019	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng
Thu nhập lãi thuần	773.184	76,41%	1.044.458	77,19%	286.133	85,53%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	16.769	1,66%	15.177	1,12%	5.260	1,57%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	16.842	1,66%	1.422	0,11%	1.364	0,41%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	43.357	4,28%	192.379	14,22%	12.226	3,65%
Lãi thuần từ hoạt động khác	161.792	15,99%	99.713	7,37%	29.550	8,83%
Tổng thu nhập hoạt động	1.011.944	100%	1.353.149	100%	334.533	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018, BCTC hợp nhất Quý 1 năm 2019 tự lập

Tổng thu nhập hoạt động năm 2018 tăng gần 34% so với năm 2017 chủ yếu do:

- Thu nhập lãi thuần, cao hơn 271.274 triệu đồng so với năm trước. Nguyên nhân do chênh lệch giữa lãi suất cho vay và lãi suất huy động tăng; hoạt động xử lý nợ tốt (hoàn nhập lãi) và quy mô huy động vốn và cho vay tăng tốt.
- Lãi từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư (Trái phiếu Chính phủ) cao hơn 149.022 triệu đồng so với năm trước do năm 2018 giá bán trái phiếu chính phủ trên thị trường có nhiều thuận lợi nên ngân hàng bán ra để chốt lời.



Chỉ tiêu	Quý 1/2018	Quý 1/2019	Tăng/Giảm so với cùng kỳ	% tăng giảm
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	
Thu nhập lãi thuần	244.197	286.133	41.936	17%
Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	5.032	5.260	228	5%
Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	7.579	1.364	-6.215	-82%
Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	75.235	12.226	-63.009	-84%
Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động khác	6.855	29.550	22.695	331%
Tổng thu nhập hoạt động	338.898	334.533	-4.365	-1%

Nguồn: BCTC hợp nhất Quý 1/2019 tự lập

Tổng thu nhập hoạt động quý 1/2019 giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước do sụt giảm khoản lãi từ mua bán chứng khoán đầu tư (trái phiếu chính phủ) do trong Quý 1/2018 giá bán Trái phiếu Chính phủ trên thị trường thuận lợi hơn so với quý 1/2019.

5.2.1 Thu nhập lãi thuần

Chỉ tiêu	2017	2018	Quý 1/2019
	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	2.652.961	3.441.395	1.004.215
Thu nhập lãi cho vay	2.285.321	3.054.591	891.756
Thu nhập lãi tiền gửi	62.105	81.509	34.409
Thu lãi từ hoạt động đầu tư CK	286.223	272.517	72.495
Thu phí từ nghiệp vụ bảo lãnh	12.992	13.320	5.220
Thu khác từ hoạt động tín dụng	6.320	19.458	335
Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	-1.879.777	-2.396.937	-718.082
Trả lãi tiền gửi	-1.872.845	-2.349.417	-694.665
Trả lãi tiền vay	-3.589	-38.912	-5.087
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	0	-5.612	-17.800
Chi phí hoạt động tín dụng khác	-3.343	-2.996	-530
Thu nhập lãi thuần	773.184	1.044.458	286.133

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018, BCTC hợp nhất Quý 1 năm 2019 tự lập



5.2.2 Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ

Chỉ tiêu	2017	2018	Quý 1/2019
	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	26.789	31.828	9.353
Thu từ dịch vụ thanh toán	17.883	21.131	7.221
Thu từ dịch vụ ngân quỹ	1.701	1.593	275
Thu khác	7.205	9.104	1.857
Chi phí hoạt động dịch vụ	-10.020	-16.651	-4.093
Cước phí bưu điện, mạng viễn thông	-3.791	-6.245	-1.885
Chi về dịch vụ thanh toán	-4.462	-5.262	-1.457
Chi về dịch vụ thẻ	-	-3.580	-608
Chi khác	-1.767	-1.564	-143
Tổng	16.769	15.177	5.260

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018, BCTC hợp nhất Quý 1 năm 2019 tự lập

5.2.3 Lãi/Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

Chỉ tiêu	2017	2018	Quý 1/2019
	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	108.839	60.113	11.906
Thu từ kinh doanh ngoại tệ	15.008	22.351	955
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	93.831	37.762	10.951
Chi phí từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	-91.997	-58.691	-10.542
Chi về kinh doanh ngoại tệ	-25.217	-11.831	0
Chi về công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	-66.780	-46.860	-10.542
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	16.842	1.422	1.364

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018, BCTC hợp nhất Quý 1 năm 2019 tự lập

5.2.4 Lãi/Lỗ thuần từ hoạt động mua/bán chứng khoán đầu tư

Chỉ tiêu	2017	2018	Quý 1/2019
	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	67.840	210.624	14.178
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	-47.347	-21.458	-1.952
Hoàn nhập dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	22.864	3.213	-
Lãi/ (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán đầu tư	43.357	192.379	12.226



Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018, BCTC hợp nhất Quý 1 năm 2019 tự lập

5.2.5 Lãi/Lỗ thuần từ hoạt động khác

Chỉ tiêu	2017	2018	Quý 1/2019
	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động khác	162.770	101.196	30.685
Thu nhập từ đặt cọc chuyển nhượng bất động sản	-	49.430	
Thu từ các khoản nợ đã xử lý rủi ro	20.906	18.176	
Thu nhập từ cho thuê tài sản	15.132	17.791	4.495
Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản	2.767	13.202	
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	719	-	
Thu nhập từ lãi phạt của khoản phải thu liên quan đến hợp đồng nhận chuyển nhượng bất động sản	73.308	-	
Thu nhập từ thanh lý hợp đồng mua bán cổ phiếu	49.896	-	
Thu nhập khác	42	2.597	26.190
Chi phí hoạt động khác	-978	-1.483	-1.135
Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	-573	
Chi phí khác	-978	-910	-1.135
Tổng	161.792	99.713	29.550

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018, BCTC hợp nhất Quý 1 năm 2019 tự lập

5.3 Chi phí hoạt động kinh doanh:

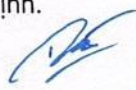
Chỉ tiêu	2017	2018	Quý 1/2019
	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
Chi phí cho nhân viên	418.386	413.924	118.333
Chi lương và phụ cấp	349.872	329.453	93.116
Các khoản chi đóng góp theo lương	37.220	36.068	10.488
Chi trợ cấp khác	31.294	48.403	14.729
Chi phí khấu hao	48.849	46.287	12.305
Chi phí hoạt động khác	332.048	412.667	81.410

Chỉ tiêu	2017	2018	Quý 1/2019
	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
Chi phí thuê tài sản	98.361	114.415	29.761
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	12.431	58.619	-
Chi phí bảo hiểm tiền gửi	38.116	42.280	12.286
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	34.176	32.460	5.201
Chi phí dịch vụ bảo vệ	29.146	28.953	9.326
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản	23.246	28.350	3.655
Chi phí điện nước, vệ sinh cơ quan	18.345	18.951	3.617
Chi phí lễ tân, khánh tiết, hội nghị	15.064	18.471	4.482
Chi phí công cụ, dụng cụ	12.092	12.091	2.359
Chi phí bưu phí, điện thoại	5.204	7.207	1.810
Chi phí thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ	5.803	7.077	1.252
Công tác phí	4.297	6.056	874
Chi phí xăng dầu	4.273	5.339	985
Chi vật liệu văn phòng, giấy tờ in ấn	5.114	5.076	783
Chi phí bảo hiểm tài sản	850	1.062	174
Chi phí thuế, phí, lệ phí	724	853	260
Chi phí đào tạo, nghiên cứu	571	564	206
Chi phí hoạt động khác	24.235	24.843	4.379
Tổng cộng	799.283	872.878	212.048

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018, BCTC hợp nhất Quý 1 năm 2019 tự lập

Chi phí hoạt động kinh doanh năm 2018 tăng cao hơn năm 2017 chủ yếu ở các khoản mục chi phí hoạt động khác, cụ thể như sau:

- Chi thuê tài sản: tăng 16 tỷ đồng do giá thuê mặt bằng tăng.
- Chi phí bảo hiểm tiền gửi: tăng 4 tỷ đồng do số dư huy động tăng.
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi: tăng 46 tỷ đồng do phải trích chi phí dự phòng các khoản nợ khó đòi theo quy định.



6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

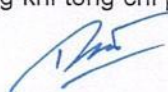
6.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong năm 2017, năm 2018 và 3 tháng đầu năm 2019

a. Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Vietbank trong năm 2017, năm 2018 và 3 tháng đầu năm 2019 (hợp nhất)

STT	Chỉ tiêu	Hợp nhất			
		Năm 2017	Năm 2018	Tăng/giảm	Quý 1/2019
		triệu đồng	triệu đồng	%	triệu đồng
I	Tổng tài sản	41.533.542	51.672.039	24,41%	52.108.970
II	Vốn chủ sở hữu	3.329.275	4.506.780	35,37%	4.670.675
III	Lợi nhuận chưa phân phối	416	275.652	66162,50%	353.852
IV	Tổng thu nhập hoạt động	1.011.944	1.353.149	33,72%	334.533
1	Thu nhập lãi thuần	773.184	1.044.458	35,09%	286.133
2	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	16.769	15.177	-9,49%	5.260
3	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	16.842	1.422	-91,56%	1.364
4	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	43.357	192.379	343,71%	12.226
5	Lãi thuần từ hoạt động khác	161.792	99.713	-38,37%	29.550
V	Tổng chi phí hoạt động	799.283	872.878	9,21%	212.048
VI	Lợi nhuận trước thuế	263.053	400.992	52,44%	98.718
VII	Lợi nhuận sau thuế	262.455	321.984	22,68%	78.200
VIII	Giá trị sổ sách (ĐVT: đồng/1 cp)	10.247	10.980	7,15%	11.141

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018, BCTC hợp nhất Quý 1 năm 2019 tự lập

Trong năm 2018 hoạt động kinh doanh của Vietbank được cải thiện đáng kể. Lợi nhuận trước thuế đạt 401 tỷ đồng (tăng 52,44% so với năm 2017) chủ yếu do tổng thu nhập hoạt động năm 2018 đạt 1.353 tỷ đồng (tăng 33,72% so với năm 2017), trong khi tổng chi phí hoạt động năm 2018 của Vietbank chỉ tăng 9,21%.



Tuy nhiên lợi nhuận sau thuế chỉ tăng 22,68% do lợi nhuận trước thuế năm 2017 được bù trừ với khoản lỗ lũy kế của những năm trước nên chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2018 của Vietbank cao (79 tỷ đồng), trong khi đó chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2017 thấp hơn nhiều (598 triệu đồng).

b. Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Vietbank trong năm 2017, năm 2018 và 3 tháng đầu năm 2019 (riêng lẻ)

STT	Chỉ tiêu	Riêng lẻ			
		Năm 2017	Năm 2018	Tăng/giảm	Quý 1/2019
		triệu đồng	triệu đồng	%	triệu đồng
I	Tổng tài sản	41.537.358	51.676.057	24,41%	52.112.516
II	Vốn chủ sở hữu	3.329.275	4.506.780	35,37%	4.671.934
III	Lợi nhuận chưa phân phối	416	275.652	66162,5%	355.111
IV	Tổng thu nhập hoạt động	1.011.407	1.348.558	33,33%	334.531
1	Thu nhập lãi thuần	773.177	1.044.449	35,09%	286.131
2	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	16.769	10.923	-34,86%	5.260
3	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	16.842	1.422	-91,56%	1.364
4	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	43.357	192.379	343,71%	12.226
5	Lãi thuần từ hoạt động khác	161.262	99.385	-38,37%	29.550
V	Tổng chi phí hoạt động	798.746	868.287	8,71%	-210.787
VI	Lợi nhuận trước thuế	263.053	400.992	52,44%	99.977
VII	Lợi nhuận sau thuế	262.455	321.984	22,68%	79.459
VIII	Giá trị sổ sách (ĐVT: đồng/1 cp)	10.247	10.980	7,15%	11.150

Nguồn: BCTC riêng lẻ năm 2018 đã được kiểm toán; BCTC riêng lẻ Quý 1/2019 tự lập

6.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong năm báo cáo

a. Yếu tố bất lợi:

- (i) Thương hiệu: Thương hiệu Vietbank chưa được nhận biết nhiều trên thị trường, độ phủ truyền thông chưa cao.
- (ii) Công nghệ: Hệ thống core banking TCBS hiện đáp ứng được nhu cầu hiện hữu nhưng sẽ lạc hậu trong một vài năm sắp tới.
- (iii) Sản phẩm: Huy động và cho vay là chủ yếu. Dịch vụ để thu phí còn rất khiêm tốn.



- (iv) Cơ cấu Tài sản Có – Tài sản Nợ còn phụ thuộc vào một số khách hàng lớn.
- (v) Cơ cấu tổ chức bộ máy còn cồng kềnh, kết quả hoạt động của một số phòng/ban còn chưa cao.
- (vi) Thu nhập ngoài lãi chưa đạt kế hoạch đặt ra.
- (vii) Các vấn đề tồn đọng chưa được giải quyết triệt để, các khoản phải thu, tài sản có khác còn cao.

b. Yếu tố thuận lợi:

- (i) Lãi suất trên thị trường diễn biến theo chiều hướng tốt nên kết quả hoạt động kinh doanh vốn khá khả quan.
- (ii) Lợi nhuận tăng tạo nguồn trích lập dự phòng và xử lý các khoản còn tồn đọng.
- (iii) Tổng chi phí hoạt động được kiểm soát chặt chẽ theo kế hoạch;
- (iv) Thực hiện tối ưu hóa việc sử dụng vốn (tăng tỷ lệ tài sản sinh lời trong tổng tài sản; tỷ lệ cho vay/huy động vốn; tỷ lệ đầu tư TPCP; . . .).
- (v) Biên lãi suất cho vay và huy động vốn được cải thiện (tăng từ 2,3% cuối 2017 lên mức 3% cuối năm 2018).
- (vi) Tỷ lệ nợ xấu trong tổng dư nợ cho vay duy trì ở mức thấp (1,25%)
- (vii) Trong năm 2018, Vietbank đã thực hiện thành công việc tăng vốn điều lệ, đưa tổng số vốn điều lệ của Vietbank lên mức 4.190,2 tỷ đồng nâng cao năng lực tài chính, năng lực hoạt động và khả năng cạnh tranh của Ngân hàng.

7. Vị thế của Ngân hàng so với các Ngân hàng/TCTD khác trong cùng ngành

Căn cứ trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 đã được kiểm toán của các Ngân hàng, Vietbank đã thực hiện khảo sát 28 ngân hàng trong tổng số 35 Ngân hàng Thương mại (NHTM) của Việt Nam. Trong tổng số 35 NHTM hiện nay, Vietbank không thực hiện khảo sát đối với 07 ngân hàng do không lấy được số liệu, bao gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn (Agribank), Ngân hàng xây dựng (CB Bank), Ngân hàng Dầu khí toàn cầu (GP Bank), Ngân hàng Đại dương (Oceanbank), Ngân hàng Xăng dầu Petrolimex (PG Bank), Ngân hàng Đông Á (EAB) và Ngân hàng Đại chúng Việt Nam (Pvcombank).

7.1 Vị thế của Vietbank trong ngành ngân hàng

- a. Về quy mô hoạt động: Về quy mô Tổng tài sản, số dư huy động, cho vay, vốn chủ sở hữu, vốn điều lệ, Vietbank được xếp hạng trong nhóm ngân hàng có quy mô không lớn.
- b. Về năng lực tài chính: Vốn chủ sở hữu Vietbank nằm trong nhóm có năng lực tài chính thấp, tuy nhiên về cân đối nguồn, Vietbank thuộc nhóm ngân hàng có tỷ lệ đòn bẩy thấp, thiên về sử dụng vốn tự có hơn vay nợ.
- c. Về tính thanh khoản: Vietbank đáp ứng tốt chỉ tiêu an toàn về thanh khoản của NHNN.
- d. Về hiệu quả kinh doanh: Vietbank có sự tăng trưởng tích cực khi xếp ở nhóm giữa trong số các ngân hàng thương mại về các chỉ số ROA, ROE, NIM.



- e. Về hiệu quả quản lý: Nhìn chung chi phí hoạt động cần phải được kiểm soát chặt chẽ hơn khi chi số chi phí hoạt động trên tổng thu nhập còn cao.
- f. Về chất lượng tài sản: Vietbank chủ động đẩy mạnh lộ trình xử lý nợ xấu, nợ tồn đọng và trích lập đủ dự phòng nên tỷ lệ Nợ xấu thấp.

Nói chung trên cơ sở những chỉ tiêu tài chính và phi tài chính, Vietbank thuộc nhóm các ngân hàng có qui mô không lớn, năng lực tài chính chưa đủ mạnh, có mạng lưới hạn chế và số lượng lao động thấp, các đơn vị kinh doanh có qui mô hoạt động nhỏ. Tuy nhiên hiệu quả kinh doanh có nhiều sự cải thiện và hoạt động lành mạnh khi có tỷ lệ nợ xấu thấp và đáp ứng tốt các chỉ tiêu an toàn theo quy định.

7.2 Triển vọng phát triển của ngành

Ngày 08/01/2019, NHNN đã có Chỉ thị số 01/CT-NHNN về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của ngành ngân hàng trong năm 2019, cụ thể:

“NHNN sẽ điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, thận trọng, phối hợp hài hòa với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát theo mục tiêu năm 2019 bình quân dưới 4%; duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, ổn định thị trường tiền tệ và ngoại hối. Năm 2019, định hướng tổng phương tiện thanh toán tăng khoảng 13%; tín dụng tăng khoảng 14%, có điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế.

Phấn đấu đưa tỷ lệ nợ xấu nội bảng xuống dưới 2%; tỷ lệ nợ xấu và các khoản tiềm ẩn trở thành nợ xấu (bao gồm nợ xấu nội bảng, nợ xấu đã bán cho VAMC chưa xử lý, nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ và các khoản tiềm ẩn trở thành nợ xấu khác) dưới 5%.”

Bên cạnh những kỳ vọng khả quan về thanh khoản, tỷ giá, lãi suất, ... dự báo tình hình kinh doanh sẽ tiếp tục khả quan.

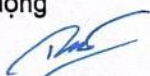
Sự tăng trưởng cao về lợi nhuận trong năm 2018 đang mang lại nhiều cơ hội cho hoạt động kinh doanh của các ngân hàng trong năm 2019, nhưng đồng thời cũng đem tới áp lực, thách thức không nhỏ cho các ngân hàng.

8. Chính sách đối với người lao động

8.1 Số lượng người lao động trong Ngân hàng

Tiêu chí	Số lượng (CBNV)
Số lao động có trình độ đại học và trên đại học	1.812
Số lao động trình độ cao đẳng	177
Số lao động có trình độ trung cấp, sơ cấp, PTTH	163
Tổng cộng (đến 30/06/2019)	2.152

8.2 Chính sách đối với người lao động



Số liệu lao động, tiền lương tại Vietbank

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018
1	Lao động thực tế sử dụng bình quân	Người	1.986	1.830
2	Mức tiền lương bình quân thực hiện	Triệu đồng/tháng	15,12	15,54

Tại Vietbank, nguồn lực con người luôn được xem là yếu tố trọng tâm và từng bước được hoàn thiện công tác phát triển nguồn nhân lực thông qua các chính sách lương, thưởng – phúc lợi, tuyển dụng, đào tạo và phát triển. Các chính sách lương, thưởng, trợ cấp ... cho người lao động luôn được xem xét và giải quyết thỏa đáng đảm bảo mức thu nhập cho người lao động yên tâm công tác. Đặc biệt, ngoài chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế bắt buộc theo quy định, Vietbank còn mua thêm bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho cán bộ, nhân viên làm việc chính thức tại Ngân hàng, ưu đãi cho thân nhân cán bộ quản lý cũng được hưởng mức bảo hiểm tương tự với chi phí hoàn toàn do Ngân hàng chi trả.

Trong những năm gần đây, Vietbank cũng chú trọng tăng cường đội ngũ chuyên gia cao cấp, chuyên viên có kinh nghiệm trong nhiều lĩnh vực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Ngân hàng. Bên cạnh đó, Vietbank cũng thực hiện triển khai công tác phát triển nguồn nhân lực nội bộ thông qua công tác quy hoạch cán bộ, đầu tư phát triển các khoá đào tạo nghiệp vụ và kỹ năng cấp cao.

9. Chính sách cổ tức

Năm 2017 và các năm trước đó, Vietbank không chia cổ tức vì lợi nhuận giữ lại chưa cao. Năm 2018 và dự kiến năm 2019, Vietbank không chia cổ tức để duy trì nguồn vốn chủ sở hữu cao, tăng tiềm lực tài chính.

10. Tình hình tài chính của Ngân hàng

10.1 Trích khấu hao tài sản cố định

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn của tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8 năm
Phương tiện vận tải	8 - 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	5 - 15 năm
Phần mềm máy vi tính	3 - 5 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng lâu dài không được trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn và quyền sử dụng đất thuê được khấu hao theo thời gian thuê hoặc thời gian sử dụng.

10.2 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Ngân hàng luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ đến hạn. Hiện nay Ngân hàng không có khoản nợ quá hạn nào.

10.3 Các khoản phải nộp theo luật định



Ngân hàng nộp đầy đủ và đúng hạn thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước theo luật định.

Số dư thuế và các khoản phải nộp nhà nước:

STT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	31/3/2019
		triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
1	Thuế giá trị gia tăng	1.785	1.341	1.013
2	Thuế TNDN	227	70.844	21.544
3	Thuế TNCN	1.737	1.781	1.939
4	Các loại thuế khác		-2	
	Tổng	3.749	73.964	24.496

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018, BCTC hợp nhất Quý 1 năm 2019 tự lập)

10.4 Trích lập các quỹ theo luật định

Ngân hàng và công ty con thực hiện trích lập các quỹ dự trữ sau đây theo Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12, Nghị định số 93/2017/NĐ-CP và theo Điều lệ của Ngân hàng và công ty con.

STT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	31/3/2019
		triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
1	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	27.281	43.401	43.401
2	Quỹ đầu tư phát triển	0	0	0
3	Quỹ dự phòng tài chính	52.578	83.206	83.206
	Tổng cộng	79.859	126.607	126.607

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018, BCTC hợp nhất Quý 1 năm 2019 tự lập).

10.4.1 Nợ phải thu

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	31/03/2019
	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
Cho vay các TCTD khác	386.861	1.629.876	965.216
Cho vay khách hàng	28.469.284	35.186.646	35.470.196
- Cho vay khách hàng	28.713.347	35.495.274	35.802.590
- Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	-244.063	-308.628	-332.394
Các khoản phải thu (*)	437.624	2.277.475	2.370.585
Các khoản lãi, phí phải thu	888.905	899.936	1.253.563

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018, BCTC hợp nhất Quý 1 năm 2019 tự lập.

(*) Các khoản phải thu năm 2018 cao hơn 1.839.851 triệu đồng so với năm 2017 do các khoản sau:

- Đặt cọc để nhận chuyển nhượng bất động sản tăng 1.250.000 triệu đồng.
- Phải thu từ bán nợ tăng 546.866 triệu đồng.



10.4.2 Nợ phải trả

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	31/03/2019
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	18.991	16.933	16.606
Tiền gửi và vay các TCTD khác	6.236.158	5.059.706	4.616.607
Tiền gửi của khách hàng	31.302.611	39.855.470	40.764.402
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	2.825
Phát hành giấy tờ có giá	-	1.000.000	1.000.000
Các khoản nợ khác	646.507	1.233.150	1.037.855
Tổng	38.204.267	47.165.259	47.438.295

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018, BCTC hợp nhất Quý 1 năm 2019 tự lập

10.5 Các khoản đầu tư tài chính:

Chứng khoán đầu tư:

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	31/03/2019
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	4.358.813	1.944.160	1.891.828
Chứng khoán nợ	4.358.813	1.944.160	1.891.828
Chứng khoán vốn	0	0	0
Chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.430.348	2.349.164	3.702.633
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	290.089	241.989	241.989
Chứng khoán nợ	1.140.259	1.607.175	3.460.644
Chứng chỉ tiền gửi	0	500.000	0
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	-81.138	-74.134	-74.134
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	-3.213	0	0
Dự phòng trái phiếu VAMC	-76.800	-74.134	-74.134



Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	31/03/2019
Dự phòng chung chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác - trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	-1.125	0	0
Tổng cộng	5.708.023	4.219.190	5.520.327

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018, BCTC hợp nhất Quý 1 năm 2019 tự lập

Góp vốn, đầu tư dài hạn:

STT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	31/03/2019
		triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
1	Đầu tư dài hạn khác	1.400	1.400	1.400
2	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-1.400	-1.400	-1.400
Tổng cộng		0	0	0

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018, BCTC hợp nhất Quý 1 năm 2019 tự lập

Khoản đầu tư này thể hiện khoản đầu tư chiếm 7% vốn góp vào Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Bắc Hà Nội, được lập để thực hiện việc đầu tư và quản lý dự án Cầu Tứ Liên. Tuy nhiên công ty này đã ngừng hoạt động và Vietbank đã trích 100% chi phí dự phòng giảm giá đầu tư từ năm 2016.

10.6 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
	triệu đồng	triệu đồng
1. Quy mô vốn		
- Vốn điều lệ	3.249.000	4.104.521
- Vốn chủ sở hữu	3.329.275	4.506.780
- Tổng tài sản	41.533.542	51.672.039
- Tỷ lệ an toàn vốn	9,36%	11,10%
2. Kết quả hoạt động kinh doanh		
- Cho vay khách hàng (tại ngày 31/12)	28.713.347	35.495.274
- Huy động khách hàng (tại ngày 31/12)	31.302.611	39.855.470
- Thu nhập lãi thuần	773.184	1.044.458
- Lợi nhuận trước thuế	263.053	400.992



THÔNG TIN TÓM TẮT
 NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN



Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
	triệu đồng	triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế	262.455	321.984
- Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA)	0,67%	0,69%
- Tỷ suất sinh lời của VCSH (ROE)	8,21%	8,22%
- Nợ quá hạn	586.347	806.634
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	2,04%	2,27%
- Nợ xấu	387.424	443.635
- Tỷ lệ nợ xấu/Tổng dư nợ	1,35%	1,25%
- Hệ số sử dụng vốn	69,13%	68,69%
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	0	0
3. Khả năng thanh toán		
- Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	13,06%	12,12%
- Tỷ lệ khả năng chi trả VNĐ trong 30 ngày	50,78%	81,90%
- Tỷ lệ khả năng chi trả ngoại tệ trong 30 ngày	31,32%	∞

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018

11. Tài sản (tài sản thuộc sở hữu Ngân hàng)

11.1 Tài sản cố định tại ngày 31/12/2018 theo số liệu hợp nhất

CHỈ TIÊU	NGUYÊN GIÁ (NG)	GIÁ TRỊ CÒN LẠI (GTCL)	TỶ LỆ GTCL/NG
	triệu đồng	triệu đồng	%
Tài sản cố định hữu hình	790.419	491.272	62%
- Nhà cửa, vật kiến trúc	564.841	414.977	73%
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	68.403	33.978	50%
- Phương tiện vận tải	129.685	39.799	31%
- TSCĐ hữu hình khác	27.490	2.518	9%
Tài sản cố định vô hình	123.750	88.870	72%
- Quyền sử dụng đất	50.246	50.246	100%
- Phần mềm máy vi tính	73.504	38.624	53%
Tổng cộng	914.169	580.142	63%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018

11.2 Bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2018 theo số liệu hợp nhất

Chỉ tiêu	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG
Bất động sản đầu tư	20.111	19.918	99%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018

Đây là bất động sản của công ty con (Vietbank AMC) nắm giữ nhằm mục đích đầu tư để tìm kiếm lợi nhuận.

12. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

12.1 Kế hoạch kinh doanh 2019:

Căn cứ vào Lợi nhuận trước thuế đã đạt được năm 2018;

Căn cứ vào Vốn điều lệ đã được tăng thêm đầu năm 2019;

Đại hội đồng cổ đông 2019 đã giao các chỉ tiêu kế hoạch cho Ban điều hành, cụ thể như sau:

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	% tăng/giảm so với thực hiện năm 2018
Tổng Tài sản	51.672	65.600	27%
Dư nợ cho vay khách hàng	35.495	44.000-51.000	24%-44%
Dư nợ huy động từ khách hàng	39.855	57.500	44%
Lợi nhuận trước thuế (LNTT)	401	540	35%
Tỷ lệ nợ xấu (NPL)	1,25%	≤2%	
Tỷ lệ cổ tức	0%	0%	

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2019 số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2019

Hiện nay Vietbank chưa xây dựng Kế hoạch kinh doanh năm 2020. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 của Vietbank được xây dựng theo đặc thù của ngành ngân hàng và đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Vietbank dự kiến không thực hiện chia cổ tức để duy trì nguồn vốn chủ sở hữu cao, tăng cường tiềm lực tài chính.

12.2 Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2019:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện đến 31/03/2019	Kế hoạch 2019	% thực hiện KH năm
Tổng Tài sản	52.109	65.600	79%

Dư nợ cho vay khách hàng	35.803	44.000-51.000	70%-81%
Huy động từ khách hàng	40.764	57.500	71%
Lợi nhuận trước thuế (LNTT)	99	540	18%
Tỷ lệ nợ xấu (NPL)	1,40%	≤2%	

Dư nợ cho vay khách hàng của các ngân hàng nói chung và Vietbank nói riêng bị ràng buộc theo hạn mức tăng trưởng tín dụng do NHNN cấp.

LNTT Quý 1/2019 chỉ đạt 18% kế hoạch năm do rơi vào thời gian nghỉ Tết dài. Tuy nhiên sang Quý 2/2019, tình hình hoạt động của Vietbank có nhiều tiến triển, kéo theo LNTT 6 tháng đầu năm 2019 ước tính đạt 252,4 tỷ đồng, đạt 46,7% kế hoạch cả năm.

13. Chiến lược, định hướng phát triển kinh doanh

Vietbank hoạt động theo định hướng điều hành kinh tế của Chính phủ, NHNN và bám sát Phương án cơ cấu lại hoạt động gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020 được NHNN phê duyệt với các chỉ tiêu cơ bản như sau:

- Tăng trưởng bình quân các chỉ tiêu ở mức 35%.
- Lợi nhuận trước thuế 540 tỷ đồng (tăng 35%).
- Thu nhập phi tín dụng: chiếm tỷ trọng tối thiểu 20% cơ cấu thu nhập.

13.1 Định hướng phát triển hoạt động kinh doanh cho năm 2019 và các năm tiếp theo:

a) Xây dựng mô hình ngân hàng bán lẻ và phát triển thương hiệu

Vietbank triển khai chiến lược ngân hàng bán lẻ. Với mục tiêu phát triển thương hiệu trở thành thương hiệu mạnh trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng, Vietbank cũng đang thực hiện dự án xây dựng thương hiệu chuyên nghiệp, đồng bộ trên toàn hệ thống.

b) Tái cấu trúc và kiện toàn bộ máy hoạt động, củng cố hệ thống quản trị trong toàn Ngân hàng

Vietbank đang thực hiện tái cấu trúc và kiện toàn bộ máy hoạt động giai đoạn 2016-2020, nhằm đảm bảo hệ thống vận hành theo chiều hướng thông suốt, quản lý tập trung theo ngành dọc và theo dòng sản phẩm. Đồng thời, Vietbank cũng xây dựng và củng cố hệ thống hành lang pháp lý cho hoạt động Vietbank, đảm bảo tính thống nhất và phù hợp với cơ cấu mô hình tổ chức mới, định hướng và chiến lược phát triển của ngành; xây dựng các hệ thống quản trị nội bộ với sự hỗ trợ của các ứng dụng công nghệ thông tin, trên nguyên tắc an toàn, đúng pháp luật và tuân thủ các quy định hiện hành.

Bên cạnh đó, để phát triển hoạt động kinh doanh một cách toàn diện, cân đối và vững chắc, Vietbank sẽ ban hành chính sách cụ thể đối với từng khối nghiệp vụ theo lộ trình tái cấu trúc mô hình tổ chức đã được HĐQT thông qua. Trong đó, phân tích rõ chương trình hành động, chi tiết nhiệm vụ, thời gian thực hiện, quyền hạn đến từng vị trí, mối liên hệ mật thiết giữa các khối nghiệp vụ.

c) Hiện đại hóa công nghệ tin học ngân hàng, dự án ngân hàng số



Từ tháng 03/2017, Vietbank đã đầu tư hệ thống Core Banking theo định hướng ngân hàng số, để tối ưu hóa các nghiệp vụ kinh doanh lĩnh vực tài chính – ngân hàng, với đầy đủ chức năng ngân hàng bán buôn, bán lẻ, ngân hàng online và hệ thống quản lý khách hàng hiện đại, nhanh chóng, an toàn. Hệ thống này đảm bảo phục vụ cho quá trình hiện đại hóa và phát triển lâu dài của Vietbank trong nhiều năm sau.

Dự kiến hệ thống CoreBanking sẽ đưa vào sử dụng từ tháng 9/2019, để tạo nền tảng vững chắc giúp Vietbank nâng cao vị thế cạnh tranh của mình trên thương trường và đáp ứng kịp thời nhu cầu đa dạng của khách hàng với nhiều tiện ích tốt hơn.

d) Phát hành thẻ Vietbank

Dựa trên hệ thống CNTT Core Banking hiện đại nêu trên, Vietbank cũng đã đầu tư và triển khai phần mềm và phần cứng cho hệ thống Core thẻ, để triển khai việc cung ứng sử dụng thẻ của Vietbank. Hệ thống Core thẻ này chia làm 2 giai đoạn, bao gồm giai đoạn 1 về phát hành thẻ tương thích với core Banking hiện hữu, từ năm 2017 đến năm 2018; Và giai đoạn 2 về phát hành thẻ tương thích với Core Banking mới, từ năm 2019 trở đi. Đến đầu tháng 08 năm 2018, hệ thống thẻ của Ngân hàng đã hoàn tất giai đoạn 1 nêu trên, và hiện nay đang triển khai giai đoạn 2.

e) Kế hoạch đào tạo tổng thể

Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Vietbank, số lượng CBNV toàn ngân hàng không ngừng tăng nhanh, tính đến 30/6/2019 là 2.152 người. Với định hướng chiến lược xây dựng nguồn nhân lực năng động - chuyên nghiệp - hiệu quả cho Ngân hàng, để đảm bảo vận hành hoạt động kinh doanh hiện tại và đáp ứng nhu cầu mở rộng phát triển trong tương lai, năm 2018 Vietbank đã thành lập Trung tâm đào tạo Vietbank, được phát triển từ Phòng đào tạo của Trung tâm phát triển nguồn nhân lực, thuộc Khối Hỗ trợ kinh doanh hiện nay, với mục tiêu triển khai những chương trình nằm trong chuỗi kế hoạch đào tạo tổng thể đến năm 2020 như: Kỹ năng quản lý, Kỹ năng giao tiếp và chăm sóc khách hàng, Hiểu biết về sản phẩm, Pháp lý & Kỹ năng tác nghiệp,... cho các CBNV từ Hội sở đến các Trung tâm Kinh doanh là chi nhánh/phòng giao dịch trên toàn hệ thống.

f) Phát triển mạng lưới của Vietbank năm 2018-2019

Vietbank đang thực hiện đẩy mạnh tiến độ mở rộng mạng lưới hoạt động tại các vùng kinh tế trọng điểm và thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và thị phần hoạt động, tăng năng lực cạnh tranh cho Ngân hàng. Theo kế hoạch mở rộng mạng lưới hoạt động đến 30/6/2019, Vietbank đưa vào hoạt động thêm 13 phòng giao dịch thuộc 6 chi nhánh hiện hữu; Và phát triển thêm 5 chi nhánh tại 5 tỉnh/ thành phố lớn là các vùng kinh tế trọng điểm bao gồm: Đồng Nai, Bình Dương, Vĩnh Phúc, Đắk Lắk và An Giang. Bên cạnh đó, Vietbank sẽ thực hiện Đề án mở mới từ 15-20 điểm giao dịch cho Kế hoạch mạng lưới năm 2019-2020.

13.2 Phương hướng kinh doanh cụ thể

a. Về khách hàng:



Vietbank sẽ tiếp tục tăng cường mối quan hệ với khách hàng hiện tại, tăng cường bán thêm/bán chéo sản phẩm, nâng cao vai trò tư vấn tài chính của lực lượng bán hàng để cung cấp các giải pháp tài chính toàn diện đáp ứng nhu cầu của từng khách hàng.

b. Về doanh thu:

Tập trung phát triển thu nhập từ hoạt động dịch vụ và kinh doanh ngoại hối. Ngân hàng sẽ tái cơ cấu lại các hoạt động kinh doanh nhằm thúc đẩy việc tăng thu phí dịch vụ liên quan đến hoạt động thanh toán quốc tế, thanh toán nội địa và các dịch vụ khác. Tận dụng biến động thị trường để thực hiện kinh doanh phù hợp để tối đa hóa lợi nhuận cho ngân hàng.

c. Quản trị hợp lý chi phí hoạt động:

Kết quả từ việc đầu tư trong các năm đầu tiên sau tái cơ cấu sẽ chưa thể tạo ra ngay nguồn thu nhập để bù đắp toàn bộ chi phí, vì thông thường tốc độ tăng doanh thu trong giai đoạn đầu chưa thể tăng theo kịp với tốc độ chi phí hoạt động phải bỏ ra đầu tư. Tuy nhiên không thể vì vấn đề trên mà ngân hàng lại cắt giảm hoặc ngưng đầu tư, bởi vì đây chính là nền tảng để tạo nguồn thu trong tương lai cho ngân hàng sau giai đoạn tái cơ cấu. Vấn đề đặt ra là cần phải thúc đẩy nhanh việc cải thiện thu nhập, đi kèm cần phải nâng cao vai trò quản trị chi phí hoạt động khoa học và hợp lý trong giai đoạn tái cơ cấu và đầu tư mở rộng.

d. Về huy động:

Ngân hàng tập trung tăng trưởng huy động để đảm bảo tỷ lệ cho vay/huy động theo Ngân hàng Nhà nước thấp hơn 80% đảm bảo vững chắc thanh khoản. Trong cấu phần huy động, Ngân hàng sẽ tăng tỷ trọng tiền gửi thanh toán thông qua các sản phẩm và giải pháp phù hợp và cạnh tranh.

e. Về tín dụng:

Bên cạnh việc rà soát danh mục cho vay hiện hữu, Vietbank sẽ phát triển thêm một số sản phẩm cho vay mới cho các phân khúc tiêu dùng nhỏ lẻ (đi kèm cần phải có chính sách quản trị rủi ro phù hợp để hạn chế đến mức thấp nhất khả năng phát sinh nợ quá hạn trong tương lai hoặc kiểm soát tỷ lệ NPL trong giới hạn cho phép phù hợp với khẩu vị rủi ro theo mục tiêu của sản phẩm đó).

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, cam kết bảo lãnh, cam kết vay, cho vay...)

14.1 Thông tin về cam kết, bảo lãnh:

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	31/03/2019
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
1. Cam kết tài trợ thương mại	1.186.535	942.456	1.127.221
- Cam kết trong nghiệp vụ L/C	147.946	158.022	255.435
- Bảo lãnh khác	1.038.589	784.434	871.786
2. Cam kết giao dịch hối đoái:	36.403.606	10.322.776	7.519.569
- Cam kết mua ngoại tệ giao ngay	403.650	0	548.023



Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	31/03/2019
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
- Cam kết bán ngoại tệ giao ngay	67.275	0	594.097
- Cam kết giao dịch hoán đổi	35.932.681	10.322.776	6.377.449
3. Cam kết khác	1.704.554	10.265.692	11.063.643
Tổng cộng	39.294.695	21.530.924	19.710.433

Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018, BCTC hợp nhất Quý 1 năm 2019 tự lập

14.2 Thông tin về trái phiếu chuyển đổi, cam kết bảo lãnh, cam kết cho vay, cam kết vay (đối với khách hàng là TCTD):

Không có.

15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Ngân hàng:

Không có.

III. QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG

1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội đồng quản trị

1.1 Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

- Ông Dương Ngọc Hòa Chủ tịch Hội đồng quản trị (không điều hành)
- Ông Bùi Xuân Khu Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (không điều hành)
- Ông Dương Nhất Nguyên Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (không điều hành)
- Ông Đặng Đình Thắng Thành viên Hội đồng quản trị (không điều hành)
- Bà Ngô Kim Liên Thành viên Hội đồng quản trị (không điều hành)
- Ông Trần Văn Tá Thành viên Hội đồng quản trị (không điều hành)

1.2 Sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị

1.2.1 Ông Dương Ngọc Hòa – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên:	Dương Ngọc Hòa
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	19/10/1956
Nơi sinh:	Quảng Ngãi
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu:	598B Nguyễn Đình Chiểu, P3, Quận 3, Tp.HCM



THÔNG TIN TÓM TẮT

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN



Địa chỉ nơi ở hiện tại:	41 Nguyễn Thông, P7, Quận 3, Tp.HCM	
CMND số:	023169770 ngày cấp: 20/04/2010 tại: CA. Tp.HCM	
Điện thoại liên hệ:	0902 811111	
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân ĐH Tổng hợp chuyên ngành hóa học	
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Chủ tịch Hội đồng quản trị		
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có		
Quá trình công tác:		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1979 -1998	Tự kinh doanh tại Tp.HCM	
1999-2005	Công ty CP Đầu tư Phát triển Hoa Lâm	Giám đốc
09/2006 đến nay	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	Chủ tịch HĐQT
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch:		
- Sở hữu cá nhân: 19.072.000 cổ phiếu, chiếm 4,552% Vốn điều lệ.		
- Sở hữu đại diện: Không có.		
- Sở hữu của người liên quan:		
✓ Trần Thị Lâm – Vợ: sở hữu 8.492.800 cổ phần, chiếm 2,027% vốn điều lệ.		
✓ Dương Nhất Nguyên – Con trai: sở hữu 12.800.000 cổ phần, chiếm 3,055% vốn điều lệ.		
✓ Dương Mai Anh – Con gái: sở hữu 8.832.000 cổ phần, chiếm 2,108% vốn điều lệ.		
✓ Dương Bảo Anh – Con gái: sở hữu 7.126.400 cổ phần, chiếm 1,701% vốn điều lệ.		
Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không có.		
Hành vi vi phạm pháp luật: không		
Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:		
Ngày 30/12/2016, Vietbank ký kết Hợp đồng thuê nhà số 90 Cao Thắng, P.4, Q.3 Tp. HCM với chủ sở hữu là Ông Dương Ngọc Hòa và Bà Trần Thị Lâm để làm trụ sở Phòng giao dịch của Vietbank với giá trị hợp đồng là 189.054.000 đồng/tháng, thời hạn hợp đồng là 05 năm từ 01/01/2017 đến 31/12/2022		
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch:		
Thù lao Hội đồng quản trị theo mức do Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng quyết định.		

1.2.2 Ông Bùi Xuân Khu – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên:	Bùi Xuân Khu	
Giới tính:	Nam	
Ngày tháng năm sinh:	04/02/1950	
Nơi sinh:	Bắc Ninh	
Quốc tịch:	Việt Nam	
Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu:	15/33 Phạm Văn Hai, P1, Quận Tân Bình, Tp.HCM	
Địa chỉ nơi ở hiện tại:	15/33 Phạm Văn Hai, P1, Quận Tân Bình, Tp.HCM	
CCCD số:	027050000046 ngày cấp: 21/01/2016 tại Cục CSDKQLDC	
Điện thoại liên hệ:	0903 333024	
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế	
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị		
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có		
Quá trình công tác:		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1987 -1990	Công ty May Việt Tiến-Bộ công nghiệp nhẹ	Phó Tổng giám đốc
1990-1995	Công ty May Việt Tiến-Bộ công nghiệp	Tổng giám đốc
1995-2000	Tổng công ty dệt may Việt Nam	Tổng giám đốc
2000-2007	Bộ công nghiệp	Thứ trưởng Thường trực
2007-2010	Bộ công thương	Thứ trưởng Thường trực
2010-2012	Ngân hàng TMCP Kiên Long	Ủy viên Hội đồng quản trị
	Công ty Đầu tư Dầu khí Toàn Cầu	Chủ tịch Hội đồng quản trị
	Công ty CP Bông Sợi Việt	Chủ tịch Hội đồng quản trị
6/2012 đến nay	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch:		



THÔNG TIN TÓM TẮT
 NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN



- Sở hữu cá nhân: Không có
- Sở hữu đại diện: Không có
- Sở hữu của người liên quan: Không có
Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không có
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng: Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch: Thù lao Hội đồng quản trị theo mức do Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng quyết định.

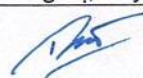
1.2.3 Ông Dương Nhất Nguyên – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên:	Dương Nhất Nguyên	
Giới tính:	Nam	
Ngày tháng năm sinh:	21/10/1983	
Nơi sinh:	Quảng Ngãi	
Quốc tịch:	Việt Nam	
Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu:	284/25/17-19 Lý Thường Kiệt, P14, Quận 10, Tp.HCM	
Địa chỉ nơi ở hiện tại:	284/25/17-19 Lý Thường Kiệt, P14, Quận 10, Tp.HCM	
CMND số:	023662519 ngày cấp: 12/01/2007 tại CA.Tp HCM	
Điện thoại liên hệ:	0903 004056	
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch:	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có	
Quá trình công tác:		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2005 -2008	Công ty Hoa Lâm	Nhân viên
2008-2009	Công ty Đầu tư phát triển Hoa Lâm	Giám đốc đầu tư
2009-2011	Du học tại Hoa Kỳ	
2011-2013	Công ty TNHH Dược Phẩm Hoa Lâm	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

2013 đến 31/5/2016	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
31/5/2016 đến 09/8/2017	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc
10/8/2017 đến nay	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
<p>Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sở hữu cá nhân: 12.800.000 cổ phần, chiếm 3,055% vốn điều lệ. - Sở hữu đại diện: Không có. - Sở hữu của người liên quan: <ul style="list-style-type: none"> ✓ Dương Ngọc Hòa – Cha: sở hữu 19.072.000 cổ phiếu, chiếm 4,552% Vốn điều lệ. ✓ Trần Thị Lâm – Mẹ: sở hữu 8.492.800 cổ phần, chiếm 2,027% vốn điều lệ. ✓ Dương Mai Anh – Em: sở hữu 8.832.000 cổ phần, chiếm 2,108% vốn điều lệ. ✓ Dương Bảo Anh – Em: sở hữu 7.126.400 cổ phần, chiếm 1,701% vốn điều lệ. 		
Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không có		
Hành vi vi phạm pháp luật: Không		
<p>Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:</p> <p>Ngày 30/12/2016, Vietbank ký kết Hợp đồng thuê nhà số 90 Cao Thắng, P.4, Q.3 Tp. HCM với chủ sở hữu là Ông Dương Ngọc Hòa - cha Ông Dương Nhất Nguyên và Bà Trần Thị Lâm - mẹ Ông Dương Nhất Nguyên để làm trụ sở Phòng giao dịch của Vietbank với giá trị hợp đồng là 189.054.000 đồng/tháng, thời hạn hợp đồng là 05 năm từ 01/01/2017 đến 31/12/2022</p>		
<p>Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch:</p> <p>Thù lao Hội đồng quản trị theo mức do Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng quyết định.</p>		

1.2.4 Ông Đặng Đình Thắng – Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên:	Đặng Đình Thắng
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	30/09/1971
Nơi sinh:	Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú theo	Xã Quảng Bị, huyện Chương Mỹ, Tp. Hà Nội.



THÔNG TIN TÓM TẮT
 NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN



hộ khẩu:		
Địa chỉ nơi ở hiện tại: Khu Bồ Đề Xanh, tổ 22, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Tp. Hà Nội.		
CMND số: 111164775 ngày cấp: 15/04/2013 tại CA.Tp Hà Nội		
Điện thoại liên hệ: 0982 578888		
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh		
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên Hội đồng quản trị		
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.		
Quá trình công tác:		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2001-2004	Tổng công ty xây dựng Thăng Long	Trưởng phòng xuất khẩu lao động
2003-2004	VIMPEC (Cộng hoà liên bang Đức tại Hà Nội)	Giám đốc đại diện
2004-2006	Truyền hình cáp SCTV -Hà Nội	Phó giám đốc
2003-2014	Công ty CP Đầu tư xây dựng TST	Sáng lập viên, Chủ tịch HĐQT
2006-2009	Công ty chứng khoán VNS	Sáng lập viên, Chủ tịch HĐQT
2007-2014	Công ty VNS Invest	Sáng lập viên, Chủ tịch HĐQT
2014-2015	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	Phó Tổng giám đốc
10/2015 đến nay	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	Thành viên HĐQT
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch: - Sở hữu cá nhân: 11.520.000 cổ phiếu, chiếm 2,749% Vốn điều lệ - Sở hữu đại diện: Không có. - Sở hữu của người liên quan: Không có.		
Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không có.		
Hành vi vi phạm pháp luật: không		
Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng: Vietbank cấp bảo lãnh cho Công ty CP May Mắn Việt (Công ty do Ông Đặng Đình Thắng là thành viên góp vốn (9%)) từ ngày 14/07/2016) với giá trị bảo lãnh: 3.010.000.000 đồng		

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch:
 Thù lao Hội đồng quản trị theo mức do Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng quyết định.

1.2.5 Bà Ngô Kim Liên – Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên:	Ngô Kim Liên	
Giới tính:	Nữ	
Ngày tháng năm sinh:	06/01/1960	
Nơi sinh:	Hà Nội	
Quốc tịch:	Việt Nam	
Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu:	9 Công Trường Lam Sơn, p. Bến Nghé, Q1. Tp. HCM.	
Địa chỉ nơi ở hiện tại:	9 Công Trường Lam Sơn, p. Bến Nghé, Q1. Tp. HCM.	
CMND số:	021572712 ngày cấp: 07/06/2006 tại CA.Tp HCM	
Điện thoại liên hệ:	0903 339234	
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Đại học kinh tế	
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch:	Thành viên Hội đồng quản trị	
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có.	
Quá trình công tác:		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1978-1980	Bộ tài chính	Chuyên viên
1981-1995	Sở tài chính Tp.HCM	Chuyên viên
1995 -2001	Sở tài chính Tp.HCM	Phó phòng/T.Phòng NSQH
2001 -2007	Sở tài chính Tp.HCM	Phó Giám đốc
2007-2011	Quý đầu tư Tp.HCM	Giám đốc
	Công ty CP Chứng khoán TP	Chủ tịch HĐQT
	Công ty CP BOO Thủ Đức	Chủ tịch HĐQT
	Công ty Đầu tư tài chính Nông nghiệp Tp.HCM	Chủ tịch HĐQT
2011-2015	UBND Tp.HCM	Phó Văn phòng
T6/2015	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	Thành viên HĐQT

THÔNG TIN TÓM TẮT
 NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN



đến nay	
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch:	
- Sở hữu cá nhân: 6.400 cổ phiếu, chiếm 0,002% Vốn điều lệ.	
- Sở hữu đại diện: Không có.	
- Sở hữu của người liên quan: Không có.	
Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không có.	
Hành vi vi phạm pháp luật: không	
Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng: Không có.	
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch:	
Thù lao Hội đồng quản trị theo mức do Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng quyết định.	

1.2.6 Ông Trần Văn Tá – Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Họ và tên:	Trần Văn Tá	
Giới tính:	Nam	
Ngày tháng năm sinh:	15/06/1947	
Nơi sinh:	Hà Nam	
Quốc tịch:	Việt Nam	
Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu:	Số nhà 11B, Phố Tông Đản, Quận Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội	
Địa chỉ nơi ở hiện tại:	Số nhà 26, đường Hoa Phượng 3, Khu đô thị Vinhomes Riverside, P. Phúc Lợi, Quận Long Biên, Tp.Hà Nội	
CCCD số:	035047000155 ngày cấp: 13/01/2016 tại Cục CSĐKQLDC	
Điện thoại liên hệ:	0913 208130	
Trình độ chuyên môn:	Tiến sỹ kinh tế	
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập		
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:		
- Chủ tịch danh dự tại Hội Kiểm Toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA).		
Quá trình công tác:		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1979-1982	Trường ĐH Tài chính-Kế toán Hà Nội	Cán bộ giảng dạy- Phó chủ

		nhiệm khoa
1982-1983	Trường ĐH Tài chính-Kế toán Hà Nội	Chủ nhiệm khoa Tài chính DN
1983 -1985	Bộ Tài chính	Chuyên viên Vụ cân đối tài chính
1985 - 1986	Bộ Tài chính	Trưởng phòng công nghiệp, Vụ công nghiệp B
1986-1989	Bộ Tài chính	Phó Chánh văn phòng
1989-1990	ĐH Kinh tế Budapest Hungary	Thực tập sinh cao cấp
1990-1991	Bộ Tài chính	Phó Chánh văn phòng/Quyền Chánh VP
1991-1994	Bộ Tài chính	Chánh văn phòng
1994-1998	Bộ Tài chính	Vụ trưởng Vụ chính sách tài chính
1998-2002	Bộ Tài chính	Thứ trưởng Bộ Tài chính
	Chính phủ	Ủy viên Ban chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp Trung ương
2002-2003	Bộ Tài chính	Thứ trưởng Bộ Tài chính
2003-2006	Bộ Tài chính	Thứ trưởng thường trực Bộ Tài chính
	Ban kinh tế Trung ương	Phó trưởng ban kinh tế Trung ương
2006-2007	Bộ Tài chính	Thứ trưởng thường trực Bộ Tài chính
2008-2010	TCT đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)	Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
	Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN (Vietcombank)	Ủy viên HĐQT
	Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA)	Chủ tịch Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA)
2010-2015	Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA)	Chủ tịch
T4/2015	Hội kế toán công chứng Australia	Hội viên danh dự



THÔNG TIN TÓM TẮT

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN



đến nay	Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA)	Chủ tịch danh dự
23/5/2016 đến nay	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	Thành viên HĐQT độc lập
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch:		
- Sở hữu cá nhân: Không có.		
- Sở hữu đại diện: Không có.		
- Sở hữu của người liên quan: Không có.		
Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không có.		
Hành vi vi phạm pháp luật: Không.		
Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng: Không có.		
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch:		
Thù lao Hội đồng quản trị theo mức do Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng quyết định.		

2. Cơ cấu, thành phần Ban kiểm soát:

2.1 Danh sách thành viên Ban kiểm soát

- Bà Lê Thị Xuân Lan Trưởng Ban kiểm soát
- Nguyễn Đỗ Xuân Dung Thành viên Ban kiểm soát
- Nguyễn Thu Phương Thành viên Ban kiểm soát

2.2 Sơ yếu lý lịch các thành viên Ban kiểm soát

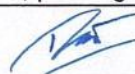
2.2.1 Bà Lê Thị Xuân Lan – Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên:	Lê Thị Xuân Lan
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	10/3/1961
Nơi sinh:	Sài Gòn
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú:	164 Âu Dương Lân P3, Q8, TP.HCM
CMND số:	020951293 Ngày cấp : 04/03/2005 tại: CA. TP Hồ Chí Minh
Điện thoại liên hệ:	0918 138 200
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh Tế - Đại học Kinh Tế Tp.Hồ Chí Minh

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Trưởng Ban kiểm soát		
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không		
Quá trình công tác:		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1983 - 1987	Hợp Tác Xã Thành Long	Chủ nhiệm HTX
1987 - 1995	Công Ty Đại Hồng Phát	Kế toán Trưởng
1996 - 1999	Công ty Đại Đông Nguyên	Kế toán Trưởng
2000 - 2010	Cty CP ĐT PT Hoa Lâm	Kế toán Trưởng
2011 - 2013	Cơ sở SX Dây viên Thành	Quản lý Tài chính
2014 - đến 22/06/2015	Cty TNHH TM DV Chợ Đũi	Kế toán Trưởng
24/06/2015 – 16/10/2015	NH TMCP Việt Nam Thương Tín	Thành viên Ban kiểm soát
16/10/2015 – đến nay	NH TMCP Việt Nam Thương Tín	Trưởng Ban kiểm soát
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch: - Sở hữu cá nhân: Không có. - Sở hữu đại diện: Không có. - Sở hữu của người liên quan: Không có .		
Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không có		
Hành vi vi phạm pháp luật: Không		
Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng: Không có.		
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch: Thù lao Ban kiểm soát theo mức do Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng quyết định.		

2.2.2 Bà Nguyễn Đỗ Xuân Dung – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên:	Nguyễn Đỗ Xuân Dung
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	25/01/1987
Nơi sinh:	Tp.Hồ Chí Minh
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú:	43 đường số 2, phường Trường Thạnh, Quận 9, TP.HCM



THÔNG TIN TÓM TẮT
 NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN



CCCD số:	079187012422 Ngày cấp : 26/06/2018 tại: Cục CSDKQLDC	
Điện thoại liên hệ:	093.806.4806	
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh Tế - Đại học Kinh Tế Tp.Hồ Chí Minh	
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên Ban kiểm soát		
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không		
Quá trình công tác:		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2011 - T10/2015	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	Nhân viên kiểm toán nội bộ
T10/2015 – đến nay	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	Thành viên Ban kiểm soát
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch:		
- Sở hữu cá nhân: Không		
- Sở hữu đại diện: Không		
- Sở hữu của người liên quan: Không		
Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không		
Hành vi vi phạm pháp luật: không		
Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng: Không		
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch:		
Thù lao Ban kiểm soát theo mức do Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng quyết định.		

2.2.3 Bà Nguyễn Thu Phương – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên:	Nguyễn Thu Phương
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	31/10/1981
Nơi sinh:	Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú:	182 Pasteur, Phường Bến Nghé, Q1, TPHCM
CMND số:	023698245, ngày cấp 08/03/2011 tại CA. TP HCM
Điện thoại liên hệ:	0914005836
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân tài chính kế toán

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên Ban kiểm soát		
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không		
Quá trình công tác:		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2003 -2005	Cty Capital Strategies, Adelaide, Úc	Kế toán
2005-2006	Ngân hàng Rabobank, Sydney, Úc	Kế toán ngân hàng
2006 – 2008	Công ty Compass Group, Sydney, Úc	Trưởng phòng thương mại
2008	Vinacapital, TPHCM, Viet Nam	Chuyên viên đầu tư cao cấp
2010-2011	Công ty Compass Group, Sydney, Úc	Trưởng phòng thương mại
12/2011 – 3/2015	Công ty Pricewaterhouse Coopers HCM, Việt Nam	Phó Giám đốc Dịch vụ tư vấn
3/2015	Công ty TNHH TMDV Đầu tư Tín Phát, TPHCM, Việt Nam	Giám đốc tài chính
23/5/2016 đến nay	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	Thành viên Ban Kiểm soát
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch: - Sở hữu cá nhân: Không - Sở hữu đại diện: Không - Sở hữu của người liên quan: Không		
Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không		
Hành vi vi phạm pháp luật: không		
Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng: Không		
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch: Thù lao Ban kiểm soát theo mức do Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng quyết định.		



THÔNG TIN TÓM TẮT
NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN



3. Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý

3.1 Danh sách thành viên

- Ông Nguyễn Thanh Nhung	Tổng giám đốc
- Ông Hồ Phan Hải Triều	Phó Tổng giám đốc
- Ông Lê Huy Dũng	Phó Tổng giám đốc
- Bà Ngô Trần Đoàn Trinh	Phó Tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Trung Thành	Phó Tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Trọng Phúc	Phó Tổng giám đốc
- Ông Phạm Danh	Phó Tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Bình Phương	Phó Tổng giám đốc
- Ông Đỗ Thành Lập	Kế toán trưởng

3.2 Sơ yếu lý lịch

3.2.1 Ông Nguyễn Thanh Nhung – Tổng giám đốc

Họ và tên:	Nguyễn Thanh Nhung	
Giới tính:	Nam	
Ngày tháng năm sinh:	30/03/1968	
Nơi sinh:	Khánh Hòa	
Quốc tịch:	Việt Nam	
Địa chỉ thường trú:	66/60 Phố Quang, P.2, Q.Tân Bình, TPHCM	
CMND số:	023312476 cấp ngày: 31/3/2010 tại: CA. TP HCM	
Điện thoại liên hệ:	0903674613	
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng - Đại học Kinh tế TPHCM	
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch:	Tổng giám đốc	
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không	
Quá trình công tác:		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/1995 - 11/1997	Eximbank - Phòng Kế toán tổng hợp	Nhân viên
11/1997 - 08/1998	Eximbank - Phòng Kiểm soát – Pháp chế	Nhân viên

08/1998 – 12/2000	Eximbank - Phòng Kế toán tổng hợp	Nhân viên
12/2000 – 04/2001	Eximbank - Phòng Tổng hợp	Nhân viên
04/2001 – 08/2001	Eximbank - Phòng Kế hoạch và Kinh doanh tiền tệ	Kiểm soát viên
08/2001 – 12/2002	Eximbank - Phòng Quản lý và Khai thác tài sản	Phó phòng
12/2002 – 09/2003	Eximbank - Trung tâm Dịch vụ địa ốc	Phó Giám đốc
09/2003 – 09/2004	Eximbank - Phòng Kế hoạch và Kinh doanh tiền tệ	Phó phòng
09/2004 – 06/2005	Eximbank - Chi nhánh Nha Trang	Phó Giám đốc
06/2005 – 08/2005	Eximbank - Phòng Tín dụng Doanh nghiệp	Phó phòng
08/2005 – 03/2006	Eximbank – Phòng Quản lý Tín dụng	Phó phòng
03/2006 – 08/2007	Eximbank – Phòng Quản lý Tín dụng	Trưởng phòng
08/2007 – 11/2010	Eximbank - Khối Giám sát hoạt động	Giám đốc
22/11/2010 – 08/05/2014	Eximbank	Phó Tổng Giám đốc
09/05/2014 – 25/05/2014	Vietbank	Trợ lý Chủ tịch HĐQT
26/05/2014 – 21/07/2014	Vietbank	Quyền Tổng Giám đốc
21/07/2014 – 30/09/2016	Vietbank	Tổng giám đốc
01/10/2016 -16/05/2017	Vietbank	Trưởng ban Cố vấn HĐQT
17/05/2017 – 14/09/2017	PVcombank	Phó Tổng giám đốc
15/09/2017 – 15/10/2017	Vietbank	Trợ lý Chủ tịch HĐQT
16/10/2017 – 24/12/2017	Vietbank	Quyền Tổng Giám đốc
Từ 25/12/2017 đến nay	Vietbank	Tổng giám đốc
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch: - Sở hữu cá nhân: 1.280.000 cổ phiếu, chiếm 0,305% Vốn điều lệ. - Sở hữu đại diện: Không có. - Sở hữu của người liên quan: Không có.		
Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không có.		
Hành vi vi phạm pháp luật: không		



Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng: Không có.
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch: Mức lương và lợi ích khác do Hội đồng quản trị Ngân hàng quyết định.

3.2.2 Ông Lê Huy Dũng – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên:	Lê Huy Dũng	
Giới tính:	Nam	
Ngày tháng năm sinh:	12/12/1967	
Nơi sinh:	Hà Nội	
Quốc tịch:	Việt Nam	
Địa chỉ thường trú:	702/A3 TT Làng Quốc Tế Thăng Long, P.Dịch Vọng, Q.Cầu Giấy, Hà Nội	
CCCD số:	001067008177 cấp ngày: 23/01/2017 tại: Cục CSĐKQLDC	
Điện thoại liên hệ:	0903406968	
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Ngân hàng - Đại học Kinh tế Quốc Dân	
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch:	Phó Tổng giám đốc	
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Đầu tư TMDV Đại Á	
Quá trình công tác:		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/1989 – 03/1991	Habubank	Nhân viên Tín dụng và Kế hoạch
04/1991 – 09/1997	Vietcombank	Nhân viên Tín dụng
10/1997 – 12/2001	ACB - CN Hà Nội	Lần lượt làm Nhân viên, Phó phòng, Trưởng phòng Tín dụng
01/2002 – 09/2004	ACB – CN Hải phòng	Giám đốc
10/2004 – 12/2006	ACB CN Hà Nội và CN Hưng Yên	Phó Giám đốc CN Hà Nội kiêm Giám đốc CN Hưng Yên
01/2007 – 08/2009	ACB- Sở Giao dịch	Giám đốc
09/2009 – 05/2013	Đại Á bank	Tổng giám đốc
06/2013 – 07/2017	ACB	Giám đốc Vùng Hà Nội - Nam Hà Nội - Trưởng VP Đại diện tại HN



05/2017 – nay	Công ty TNHH Đầu tư TMDV Đại Á	Chủ tịch HĐQT
01/08/2017 - nay	Vietbank	Phó Tổng giám đốc
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch: - Sở hữu cá nhân: 87.000 cổ phiếu, chiếm 0,021% Vốn điều lệ. - Sở hữu đại diện: Không có - Sở hữu của người liên quan: ✓ Trịnh Diệu Anh – Vợ: sở hữu 10.000 cổ phiếu, chiếm 0,002% Vốn điều lệ.		
Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không có		
Hành vi vi phạm pháp luật: Không		
Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng: Không có.		
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch: Mức lương và lợi ích khác do Hội đồng quản trị Ngân hàng quyết định.		

3.2.3 Ông Hồ Phan Hải Triều – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên:	Hồ Phan Hải Triều	
Giới tính:	Nam	
Ngày tháng năm sinh:	05/02/1975	
Nơi sinh:	Tp.HCM	
Quốc tịch:	Việt Nam	
Địa chỉ thường trú:	247A/21-21A Huỳnh Văn Bánh, Phú Nhuận, Tp.HCM	
Hộ chiếu số:	B5671999 cấp ngày: 17/8/2011	tại: Cục QLXNC
Điện thoại liên hệ:	01242186666	
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tài chính – ĐH Công nghệ Australia Cử nhân Tín dụng - Đại học Macquarie Australia	
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Phó Tổng giám đốc		
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.		
Quá trình công tác:		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ



THÔNG TIN TÓM TẮT
 NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN



1995 - 1996	Công ty Quảng cáo Anh Dương	Chuyên viên Marketing
1996-2000	ĐH Công nghệ Australia và Đại học Macquarie Australia	Sinh viên
2000 - 2001	Bristol Mver Squibb HCM	Kế toán kiểm soát các khoản phải thu
2001 - 2006	Công ty Bảo hiểm AIA	Giám sát kế toán
2006 - 2008	Công ty Manulife	Giám đốc Đầu tư, Phó Tổng giám đốc
2008 - 2010	Công ty Pioneer Việt Nam	Giám đốc điều hành
2010 - 2016	Tập đoàn Hoa Lâm	Phó Tổng giám đốc
2016 – 18/06/2017	Công ty Berjaya Gia Thịnh	Phó Tổng giám đốc
19/06/2017 - nay	Vietbank	Phó Tổng giám đốc
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch: - Sở hữu cá nhân: 50.000 cổ phiếu, chiếm 0,012% Vốn điều lệ - Sở hữu đại diện: Không có - Sở hữu của người liên quan: Không có		
Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không có		
Hành vi vi phạm pháp luật: không		
Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng: Không có.		
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch: Mức lương và lợi ích khác do Hội đồng quản trị Ngân hàng quyết định.		

3.2.4 Ông Nguyễn Trung Thành – Phó Tổng giám đốc

Họ và tên:	Nguyễn Trung Thành
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	08/12/1977
Nơi sinh:	Tp HCM
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú:	26 Nguyễn Xuân Phụng, P.2, Q.6, TPHCM

CMND số:	023073240 cấp ngày: 22/8/2014 tại: CA. TP Hồ Chí Minh	
Điện thoại liên hệ:	0985753535	
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Tài chính ngân hàng - Đại học Kinh tế TP HCM	
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Phó Tổng giám đốc		
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.		
Quá trình công tác:		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2000 – 4/2001	NH TMCP Đệ Nhất	Nhân viên tín dụng
4/2001– 3/2004	Vietcombank	Nhân viên tín dụng -CN Bình Tây
3/2004 – 3/2005	Vietcombank	Phó phòng tín dụng - CN Bình Tây-CN II KCN Vĩnh Lộc
3/2005 – 9/2005	Vietcombank	Nhân viên bộ phận quản lý rủi ro và tái thẩm định - CN Bình Tây
9/2005 – 4/2007	ACB	Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng kinh doanh - CN Bình Tây
4/2007– 01/2008	ACB	Quyền giám đốc chi nhánh – CN Bình Tây
01/2008-11/2009	ACB	Giám đốc chi nhánh Bình Tây
11/2009-9/2010	Cty TNHH Chứng khoán Á Châu	Phó Tổng giám đốc
9/2010-2/2013	Vietbank	Giám đốc Khách hàng doanh nghiệp – Hội sở
2/2013 -6/2014	Vietbank	Giám đốc Chi nhánh TP HCM
01/07/2014 – 20/02/2017	Vietbank	Phó Tổng giám đốc
21/02/2017 – 04/07/2017	Vietbank	Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Chợ Lớn
05/07/2017 – 5/2018	Vietbank	Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh TP HCM



THÔNG TIN TÓM TẮT
 NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN



6/2018 - nay	Vietbank	Phó Tổng giám đốc
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch: - Sở hữu cá nhân: 522.600 cổ phiếu, chiếm 0,125% Vốn điều lệ. - Sở hữu đại diện: Không có. - Sở hữu của người liên quan: ✓ Huỳnh Thoại Châu – Vợ: sở hữu 10.000 cổ phiếu, chiếm 0,002% Vốn điều lệ.		
Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không có.		
Hành vi vi phạm pháp luật: không		
Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng: Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số PCT.CN.01080514 ngày 22/05/2014 (phát sinh trước thời điểm Ông Nguyễn Trung Thành được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc) giữa Vietbank và Bà Huỳnh Thoại Châu là vợ Ông Nguyễn Trung Thành. Số tiền vay 5,4 tỷ đồng kỳ hạn 05 năm. Đến nay, khoản vay này đã được tất toán.		
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch: Mức lương và lợi ích khác do Hội đồng quản trị Ngân hàng quyết định.		

3.2.5 Bà Ngô Trần Đoàn Trinh – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên:	Ngô Trần Đoàn Trinh		
Giới tính:	Nữ		
Ngày tháng năm sinh:	16/11/1970		
Nơi sinh:	Khánh Hòa		
Quốc tịch:	Việt Nam		
Địa chỉ thường trú:	135, đường 19, P. Bình Trị Đông B, Q. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh		
CCCD số:	056170000056	cấp ngày: 06/01/2017	tại: Cục CSĐKQLDC
Điện thoại liên hệ:	0915263639		
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tài chính các ngành sản xuất - Đại học Kinh tế TP HCM		
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Phó Tổng giám đốc			
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.			
Quá trình công tác:			

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/1992 – 12/1994	Công ty khoáng sản Khánh Hoà	Kế toán tổng hợp
01/1995 – 12/1999	Cục đầu tư phát triển TPHCM	Chuyên viên kế toán, Phó trưởng phòng kế toán
01/2000 – 12/2000	Kho bạc Nhà nước TPHCM	Phó trưởng phòng kế toán
03/2001 – 04/2001	Quỹ hỗ trợ phát triển TPHCM (nay là BIDV – CN TPHCM)	Chuyên viên Phòng kế toán tài chính
05/2001 – 08/2002		Phó trưởng phòng Kế toán tài chính
09/2002 – 07/2005		Phó Trưởng phòng Tín dụng Trung ương I
08/2005 – 06/2006		Phó trưởng phòng - Phụ trách Phòng Tín dụng hỗ trợ xuất khẩu
07/2007 – 09/2008	Vietbank	Nhân viên nghiệp vụ
17/09/2008 – 21/06/2015	Vietbank	Trưởng phòng Phân tích và Quản lý tín dụng
22/06/2015 - 08/11/2016	Vietbank	Trưởng phòng Phân tích tín dụng
09/11/2016 – 20/09/2017	Vietbank	Trợ lý Chủ tịch HĐQT
21/09/2017 – 12/11/2017	Vietbank	Giám đốc Khối Quản lý rủi ro kiêm Giám đốc Khối Tín dụng
13/11/2017 - nay	Vietbank	Phó Tổng giám đốc
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch:		
- Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phiếu, chiếm 0,005% Vốn điều lệ.		
- Sở hữu đại diện: Không có		
- Sở hữu của người liên quan: Không có		
Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không có		
Hành vi vi phạm pháp luật: không		
Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng: Không có.		
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch:		
Mức lương và lợi ích khác do Hội đồng quản trị Ngân hàng quyết định.		



THÔNG TIN TÓM TẮT
 NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN



3.2.6 Ông Nguyễn Trọng Phúc – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên:	Nguyễn Trọng Phúc	
Giới tính:	Nam	
Ngày tháng năm sinh:	25/09/1976	
Nơi sinh:	Tp HCM	
Quốc tịch:	Việt Nam	
Địa chỉ thường trú:	58 Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Tp.HCM	
CCCD số:	079076001573 cấp ngày: 11/5/2016 tại: Cục CSDKQLDC	
Điện thoại liên hệ:	0919794968	
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tài chính ngân hàng - Đại học kỹ thuật Hoàng Gia Melbourne (RMIT)	
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Bắc Sài Gòn		
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không		
Quá trình công tác:		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/2003 – 08/2003	ACB	Chuyên viên tín dụng, Khối KHDN
09/2003 – 03/2005	ACB	Trưởng phòng Phát triển SP, Khối KHDN
04/2005 – 11/2005	ACB - CN Bình Dương	Phó Giám đốc Chi nhánh
11/2005 – 02/2007	ACB - CN Tân Thuận	Giám đốc chi nhánh
02/2007 – 03/2008	Công ty TNHH Chứng khoán Á Châu (ACBS)	Phó Tổng Giám đốc
04/2008 – 08/2010	Công ty Phúc Sinh	Phó Tổng Giám đốc/Thành viên HĐQT
12/2010 – 04/2016	VIB	- Giám đốc Trung tâm Kinh doanh lớn Quận 1. - Giám đốc Vùng Tây HCM kiêm Giám đốc Trung tâm Kinh doanh lớn Quận 1.

07/2016 – 09/2016	Vietbank	Trợ lý Chủ tịch HĐQT
09/2016 – 10/2016	Vietbank	Giám đốc Chi nhánh TPHCM
18/10/2016 – 04/7/2017	Vietbank	Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh TP Hồ Chí Minh
05/07/2017 – 01/2018	Vietbank	Phó Tổng giám đốc
01/2018 - nay	Vietbank	Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Bắc Sài Gòn
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch:		
- Sở hữu cá nhân: Không có		
- Sở hữu đại diện: Không có		
- Sở hữu của người liên quan: Không có		
Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không có		
Hành vi vi phạm pháp luật: không		
Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng: Không có		
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch:		
Mức lương và lợi ích khác do Hội đồng quản trị Ngân hàng quyết định.		

3.2.7 Ông Phạm Danh – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên:	Phạm Danh		
Giới tính:	Nam		
Ngày tháng năm sinh:	10/11/1980		
Nơi sinh:	Quảng Ngãi		
Quốc tịch:	Việt Nam		
Địa chỉ thường trú:	38 Đường 3643D Phạm Thế Hiển, P.7, Q.8, Tp.HCM		
CMND số:	025295449	cấp ngày: 23/8/2010	tại: CA. TP HCM
Điện thoại liên hệ:	0908179943		
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tài chính, tiền tệ, tín dụng - Đại học Kinh tế TPHCM		
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc CN Sài Gòn và Chủ tịch Vietbank AMC			
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.			



THÔNG TIN TÓM TẮT
 NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN



Quá trình công tác:		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
03/2003 – 02/2007	BIDV - CN Sài Gòn	Cán bộ tín dụng
03/2007 – 02/2009	Pacific Bank - CN Sài Gòn	Phó Giám đốc
03/2009 – 08/2009	NH Việt Nam Tín Nghĩa - Hội sở	Trưởng phòng Tín dụng doanh nghiệp
09/2009 – 01/2013	Vietbank – PGD Vạn Hạnh	Giám đốc PGD
02/2013 – 21/11/2016	Vietbank – CN TPHCM	Phó Giám đốc CN TP Hồ Chí Minh kiêm Giám đốc PGD Vạn Hạnh
22/11/2016 – 12/11/2017	Vietbank – CN Sài Gòn	Giám đốc
13/11/2017 - 12/2017	Vietbank	Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc CN Sài Gòn
01/12/2017 - nay	Vietbank	Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc CN Sài Gòn và Chủ tịch Vietbank AMC
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch:		
- Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phiếu, chiếm 0,002% Vốn điều lệ.		
- Sở hữu đại diện: Không có		
- Sở hữu của người liên quan: Không có		
Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không có		
Hành vi vi phạm pháp luật: không		
Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng: Không có.		
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch:		
Mức lương và lợi ích khác do Hội đồng quản trị Ngân hàng quyết định.		

3.2.8 Ông Nguyễn Bình Phương – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên:	Nguyễn Bình Phương
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	12/04/1980
Nơi sinh:	Quảng Ngãi

Quốc tịch:	Việt Nam	
Địa chỉ thường trú:	128/15C Đinh Tiên Hoàng, P.1, Bình Thạnh, Tp.HCM	
CMND số:	025687324	cấp ngày: 23/11/2012 tại: CA. TPHCM
Điện thoại liên hệ:	0989343434	
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị tài chính ngân hàng bảo hiểm và Thạc sỹ Quản trị hệ thống CNTT – ĐH Hannover (Đức)	
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Khối Công nghệ thông tin		
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP đầu tư TONA.		
Quá trình công tác:		
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/2006 – 01/2007	DongAbank	Trợ lý Tổng giám đốc, Phụ trách Văn phòng Ban Tổng giám đốc.
01/2007 – 04/2009	HDbank	Giám đốc CNTT (CIO) Giám đốc Dự án hiện đại hoá ngân hàng.
07/2009 - nay	Công ty CP đầu tư TONA	Chủ tịch HĐQT
11/2009 – 12/2012	Cty TNHH MTV Quản lý và khai thác tài sản ngân hàng Nam Á (AMC)	Tổng giám đốc
10/2009 – 04/2018	NamAbank	Phó Tổng Giám đốc, phụ trách Trung tâm CNTT, Trung tâm Thẻ, Giám đốc Khối Vận hành
04/2018 – 05/2018	Vietbank	Phó Tổng giám đốc
05/2018 - nay	Vietbank	Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Khối CNTT
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch:		
- Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phiếu, chiếm 0,002% Vốn điều lệ.		
- Sở hữu đại diện: Không có		
- Sở hữu của người liên quan: Không có		
Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không có		

THÔNG TIN TÓM TẮT
 NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN



Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng: Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch: Mức lương và lợi ích khác do Hội đồng quản trị Ngân hàng quyết định.

3.2.9 Ông Đỗ Thành Lập – Kế toán trưởng

Họ và tên:	Đỗ Thành Lập		
Giới tính:	Nam		
Ngày tháng năm sinh:	26/03/1983		
Nơi sinh:	Long Điền – Giá Rai – Minh Hải		
Quốc tịch:	Việt Nam		
Địa chỉ thường trú:	680/10 Bình Long Phường Sơn Kỳ Quận Tân Phú Tp.HCM		
CMND số:	385211752	cấp ngày: 10/03/2016	tại: CA Tỉnh Bạc Liêu
Điện thoại liên hệ:	0975 697 967		
Trình độ chuyên môn:	- Cử nhân Kinh tế - Đại học Quốc Tế Hồng Bàng		
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch:	Trưởng Phòng Kế toán kiêm Kế toán trưởng		
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Kế toán trưởng – VietBank AMC từ tháng 7/2011 - nay		
Quá trình công tác:			
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ	
01/2006 – 07/2007	Cty TNHH May Mặc Đan Thanh	Nhân viên kế toán	
08/2007 – 03/2011	VietBank	Nhân viên kế toán tổng hợp	
04/2011 – 07/2014	Vietbank	KSV Kế toán tổng hợp	
08/2014 – 12/2018	Vietbank	Phó Phòng Kế toán	
01/2019 – 06/2019	Vietbank	Trưởng Phòng Kế toán	
07/2019 – nay	Vietbank	Trưởng phòng Kế toán – Kiêm Kế toán trưởng	
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch:			

- Sở hữu cá nhân: 2.292.000 cổ phiếu, chiếm 0,547% Vốn điều lệ.
- Sở hữu đại diện: Không có
- Sở hữu của người liên quan: Không có
Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không có
Hành vi vi phạm pháp luật: không
Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng: Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký giao dịch:
Mức lương và lợi ích khác do Hội đồng quản trị Ngân hàng quyết định.

4. Kế hoạch tăng cường quản trị Ngân hàng

Để đạt được chỉ tiêu kinh doanh đề ra, Hội đồng quản trị Ngân hàng đang nhanh chóng triển khai các nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2019 giao. Cụ thể là:

a. Về cơ cấu, tổ chức, nhân sự của HĐQT, BKS, Tổng giám đốc:

Do hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng nên HĐQT, BKS, TGD của Vietbank phải đáp ứng các quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và các văn bản pháp luật liên quan, trong đó có một số quy định khác với Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng như: Tiêu chuẩn Thành viên HĐQT độc lập, số lượng Thành viên HĐQT độc lập; Tiêu chuẩn Thành viên BKS; Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm Thành viên HĐQT, BKS, TGD phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu, bổ nhiệm; Tổ chức tín dụng phải báo cáo NHNN kết quả bầu các chức danh Thành viên HĐQT, BKS, TGD....

Vietbank đã tuân thủ nghiêm túc các quy định của Luật tổ chức tín dụng cũng như của NHNN. Hiện tại, theo danh sách Thành viên HĐQT đã báo cáo NHNN và được NHNN chấp thuận, Vietbank có 01 Thành viên HĐQT độc lập là ông Trần Văn Tá, đáp ứng quy định về số lượng Thành viên HĐQT độc lập tại Luật các tổ chức tín dụng.

Trong thời gian tới, Vietbank sẽ tiếp tục củng cố cơ cấu nhân sự nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ.

- b. Hoàn thiện định hướng phát triển của Ngân hàng trong giai đoạn 05 năm tới.
- c. Tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định, hướng dẫn quản lý nhằm tăng cường hiệu lực hoạt động của bộ máy và đáp ứng các điều kiện và yêu cầu theo luật định.
- d. Chỉ đạo và tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát đảm bảo cho các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy định của pháp luật và quy chế quản lý nội bộ được thực thi trong toàn Ngân hàng.
- e. Triển khai mạnh mẽ các giải pháp tài chính, hoạt động kinh doanh, tái cấu trúc quản trị doanh nghiệp.



THÔNG TIN TÓM TẮT
NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN



- f. Tiếp tục hoàn thiện các chính sách đối với người lao động nhằm thu hút nhân tài và tạo sự gắn bó của người lao động đối với Ngân hàng.
- g. Tiếp tục chỉ đạo ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin vận hành an toàn, liên tục; bổ sung việc ứng dụng các công nghệ mới vào việc phát triển các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng.

IV. ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

Tổ chức kiểm toán

Tên công ty : Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Mã số thuế : 0300811802

Địa chỉ : Lầu 28, tòa nhà Bitexco Financial Tower, Số 2 Hải Triều, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại : (84-8) 3824 5252

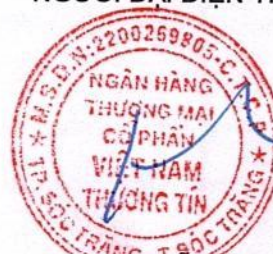
Fax : (84-8) 8324 5250

Phạm vi công việc: (i) Thực hiện dịch vụ kiểm toán, tư vấn thuế, pháp lý, tài chính nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính năm 2018; (ii) Kiểm toán Báo cáo Vốn điều lệ, Thặng dư vốn cổ phần và các Quỹ dự trữ tại ngày 31/03/2019 và giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019

V. PHỤ LỤC

- 1. Bản sao Giấy phép hoạt động của Ngân hàng;
- 2. Bản sao Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 và Báo cáo tài chính quý I/2019 (Riêng lẻ và hợp nhất).

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



NGUYỄN THANH NHUNG